

Số: 177/BC-BV

Phú Thọ, ngày 27 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2021

I. MỤC TIÊU

Báo cáo chỉ số chất lượng bệnh viện nhằm đánh giá được các khía cạnh chất lượng của từng Đơn vị làm cơ sở để thực hiện cải tiến chất lượng thông qua các hoạt động cụ thể.

II. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP

1. Phương thức thực hiện

- Phòng Quản lý chất lượng triển khai đến các khoa, phòng về việc xây dựng chỉ số chất lượng và phải có tính liên quan chặt chẽ tới chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, tính khả thi, tính giá trị và hướng tới khả năng cải tiến chất lượng dịch vụ.

- Chỉ số chất lượng đo lường các thành tố: Cấu trúc (đầu vào), quá trình, kết quả đầu ra của các dịch vụ khám chữa bệnh.

- Chỉ số được tính toán thông qua việc thu thập, phân tích số liệu.

- Phòng Quản lý chất lượng giám sát đảm bảo các Đơn vị gửi số liệu đúng hạn và đầy đủ, hỗ trợ các Đơn vị khó khăn trong việc thu thập số liệu.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số chất lượng nhằm đề ra các giải pháp cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ khám, chữa bệnh thực hiện tại khoa.

2. Thời gian thực hiện

- Các Đơn vị xây dựng chỉ số chất lượng từ đầu năm và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chỉ số theo tần suất báo cáo các chỉ số chất lượng của các Đơn vị đã được xây dựng.

3. Cách thu thập số liệu

- Các Đơn vị thu thập dữ liệu các chỉ số chất lượng dựa trên bộ công cụ phân tích số liệu hoặc hồ sơ, sổ sách lưu trữ... và báo cáo theo đúng tần suất chỉ số chất lượng Đơn vị đã xây dựng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả tổng hợp chung:

KẾT QUẢ
CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA TÒA NHÀ KHÁM BỆNH – HÀNH CHÍNH

STT	ĐƠN VỊ	TÊN CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG	TẦN SUẤT	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ				ĐÁNH GIÁ
					QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	
1	Khoa Cấp cứu	Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên điều trị tại khoa Cấp Cứu	Hàng quý	<5%	1.1%	0.3%	0.22%	0.34%	Đạt
		Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong tất cả các bệnh tại khoa Cấp Cứu	Hàng quý	<5%	2.7%	6.2%	0.86%	1.78%	Đạt
		Tỷ lệ cấp cứu, điều trị thành công trong tất cả các bệnh tại khoa Cấp Cứu	Hàng quý	>90%	90.5%	91.4%	92.18%	94.55%	Đạt
2	Khoa Thăm dò chức năng	Tỷ lệ người bệnh phát hiện u đường tiêu hóa sau thực hiện nội soi đường tiêu hóa	Hàng quý	<8%	6.58%	7.01%	6.12%	5.01%	Đạt
3	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)	Hàng quý	<5%	2.17%	0.57%	1.02%	0.89%	Đạt
4	Phòng Quản lý	Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú	Hàng quý	>95%	96.54%	98.25%	98.49%	98.08%	Đạt

	chất lượng	Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú (TT KCBCLC)	Hàng quý	>95%	99.04%	98.82%	98.33%	99.41%	Đạt								
		Tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú	Hàng quý	>95%	98.63%	99.14%	98.82%	99.04%	Đạt								
		Tỷ lệ hài lòng NVYT	6 tháng, 12 tháng	>90%	78.55%			89.50%			Không đạt						
5	Khoa Khám bệnh	Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)	Hàng tháng	<1%	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Đạt
					6.63 %	2.14 %	0.99 %	0.4 4%	0.3 6%	0.9 2%	0.85 %	0.5 2%	1.0 3%	0.67 %	0.46 %	0.74 %	Đạt
6	Khoa Dược	Tỷ lệ đánh giá nhiệt độ, độ ẩm trong kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn GSP	12 tháng	<70%	66%										Đạt		
7	Phòng Hành chính quản trị	Tỷ lệ các khoa, phòng, trung tâm, đơn vị trong bệnh viện được cung ứng đầy đủ văn phòng phẩm	6 tháng, 12 tháng	>90%	100%					100%					Đạt		
8	Phòng Marketing và Truyền thông	Tỷ lệ hài lòng của Người bệnh với dịch vụ KCB khảo sát qua hệ thống Tổng đài CSKH	6 tháng, 12 tháng	>95%	99.94%					99.96%					Đạt		

9	Phòng Điều dưỡng	Tỷ lệ hiểu biết của người bệnh/người nhà người bệnh trong sử dụng thuốc	12 tháng	>90%	96.17%	Đạt
10	Phòng Vật tư - TBYT	Tỷ lệ trang thiết bị vật tư y tế được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định	12 tháng	100%	100%	Đạt

KẾT QUẢ
CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA CỬA TRUNG TÂM KHÁM CHỮA BỆNH CLC

STT	ĐƠN VỊ	TÊN CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG	TẦN SUẤT	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ												ĐÁNH GIÁ
					QUÝ I			QUÝ II			QUÝ III			QUÝ IV			
1	PTTM-LN	Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh	Hàng quý	<8 ngày	8.1			8.2			8			8.1			KĐ
2	HSCC	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám sức khỏe cho người nhà người bệnh.	Hàng quý	>95%	98%			99%			97,8%			98,3%			Đạt
3	Nội	Thời gian nằm viện trung bình của người bệnh điều trị xuất huyết tiêu hóa	Hàng quý	<8 ngày	5.2			6			5,5			5,8			Đạt
4	Ngoại	Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh	Hàng quý	<7 ngày	5.55			5.68			5.31			5			Đạt
5	Tư vấn & CSSKGD	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám sức khỏe định kỳ	Hàng quý	>95%	98%			99%			Không KSK định kỳ do dịch bệnh			98.5%			Đạt
6	Khám bệnh YC	Tỷ lệ người bệnh đăng kí gói khám VIP	Hàng tháng		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	
					15.6	17.9	18.2	22.3	23.7	20.5	19.5	22.2	23.3	25.7	40.7	25.7	
		T1			T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12		
		15.6			12.7	16.4	18.3	16.6	18.7	23.1	27.6	25.3	23.8	38.0	46.7		

7	CNTT	Thời gian trung bình xử lý sự cố phát sinh liên quan đến CNTT tại bệnh viện	6 tháng, 12 tháng	<5 phút	3,6 phút	2,8 phút	Đạt
8	NCKH & HTQT	Tỷ lệ Khoa, Phòng và Đơn vị trong Bệnh viện thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	12 tháng		76.7%		
9	TCCB	Nhu cầu nhân lực ở các khoa, phòng, trung tâm, đơn vị	6 tháng, 12 tháng		87%	84%	
10	ĐT & CĐT	Tỷ lệ hài lòng của học viên tuyển dưới khi làm việc với Đơn vị	12 tháng	>90%	100%		Đạt

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA TÒA NHÀ ĐA TRUNG TÂM

STT	ĐƠN VỊ	TÊN CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG	TẦN SUẤT	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ												ĐÁNH GIÁ
					QUÝ I			QUÝ II			QUÝ III			QUÝ IV			
1	Khoa KSNK	Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ	12 tháng		0,76%												Đạt
		Tỷ lệ nhiễm khuẩn huyết			0,76%												Đạt
		Tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu			0,2%												Đạt
		Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện			1,02%												Đạt
2	Khoa GPB	Thời gian trả kết quả xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung	Hàng quý	<96%	99%			99%			94%			92%			Đạt
3	ĐV XNHH	Tỷ lệ từ chối bệnh phẩm	Hàng tháng	<1%	0.33	0.46	0.44	0.81	0.63	0.43	0.43	0.26	0.46	0.37	0.31	0.23	Đạt
		Tỷ lệ các chỉ số ngoại kiểm đạt yêu cầu	Hàng tháng	>90%	94.1	100	82.4	100	100	100	100	82	100	100	88	100	Đạt
4	ĐV XNHS	Tỷ lệ kết quả xét nghiệm sinh hóa ngoại trú trả đúng thời gian	Hàng quý	>95%	94%			95.2%			96.1			96.8			Đạt
		Tỷ lệ kết quả xét nghiệm sinh hóa ngoại	Hàng quý	>98%	100%	98%	100%	97%	100%	100%	99%	100%	100%	98%	100%	100%	Đạt

5	ĐV HHLS	Tỷ lệ người bệnh thalassemia tuân thủ điều trị theo đúng phác	Hàng quý	100	75%	80%	95%	96%	Đạt
6	ĐV CTTM	Tỷ lệ can thiệp động mạch vành	Hàng quý	20	30%	25%	30%	35%	Đạt
7	Khoa HSTC-CĐ	Tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu trên người bệnh đặt sonde tiểu tại khoa	Hàng quý	<10	0.59 %	0.013%	34.6%	10.7%	Đạt
8	ĐV Nội TM & CCTM	Tỉ lệ thực hiện kỹ thuật siêu âm tim 4D	Hàng quý	20	15%	14%	18%	19%	Đạt
9	ĐV HHTM	Thời gian trả kết quả xét nghiệm cho người hiến máu tình nguyện	Hàng quý	>90%	99%	99%	98%	99%	Đạt
10	Khoa GMHS	Hiệu suất sử dụng phòng mổ	Hàng quý		85.33	89.5	105.6%	92.1%	Đạt
11	Đơn vị Vi sinh	Tỷ lệ cấy máu nghi ngờ bị nhiễm	Hàng quý		9.59	9.35	9.35	9.35	Đạt

KẾT QUẢ
CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA TÒA NHÀ ĐIỀU TRỊ HỆ NỘI

STT	ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG	TẦN SUẤT	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ				ĐÁNH GIÁ
					QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	
01	Nội Thần kinh - Cơ xương Khớp	Tỷ lệ khỏi bệnh sau điều trị bằng kỹ thuật tiêm ngoài màng cứng	6 tháng, 12 tháng	>90%	92,7%	93,29%	93,03%	94,3%	Đạt
02	Trung tâm YDCT - PHCN	Tỷ lệ người bệnh ngoại tỉnh điều trị tại trung tâm YDCT-PHCN	6 tháng, 12 tháng		5.8%	5,4%	4,8%	4,85%	Đạt
03	Nội tiết - ĐTĐ	Tỉ lệ bệnh nhân được chẩn đoán bệnh đái tháo đường sau khi làm nghiệm pháp dung nạp Glucose	Hàng quý		47,8 %	40,9%	55,5%	59,5%	Đạt
04	Nội hô hấp - tiêu hóa	Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định lao phổi tại khoa Nội Hô hấp - Tiêu hóa	Hàng quý	<10	4,8%	2,78%	3,4%	4,2%	Đạt
05	Trung tâm Thận lọc máu	Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định viêm gan C tại Trung tâm Thận – Lọc máu	6 tháng, 12 tháng	50%	33.89%		34,68%		Không đạt

KẾT QUẢ
CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA TÒA NHÀ ĐIỀU TRỊ HỆ NGOẠI - DINH DƯỠNG TIẾT CHẾ

STT	ĐƠN VỊ	TÊN CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG	TẦN SUẤT	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ				ĐÁNH GIÁ
					6 tháng đầu năm		6 tháng cuối năm		
1	Khoa Ngoại thần kinh	Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh	6 tháng/lần	<7 ngày	5.2		5		Đạt
2	Khoa Da liễu	Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định Zona thần kinh tại khoa Da Liễu	Hàng quý	11.50%	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Đạt
					10.7%	12.5%	13.04%	12.3%	
3	Khoa Ngoại thận – Tiết niệu	Tỷ lệ người bệnh tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ	Hàng quý	80%	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Đạt
					90%	81%	78%	81%	
4	Khoa Ngoại tổng hợp	Tỷ lệ phẫu thuật nội soi tiêu hóa tại khoa Ngoại TH	Hàng quý	67%	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Đạt
					50%	55%	52%	51%	
5	Khoa Chấn thương 1	Tỷ lệ phẫu thuật đặc biệt	Hàng quý	22%	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Đạt
					25%	20%	35%	30%	
6	Khoa Chấn thương 2	Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ bệnh nhân sau phẫu thuật kết hợp xương	Hàng quý	2%	6 tháng đầu năm		6 tháng cuối năm		Không đạt
					4%		4%		
7	Khoa Liên chuyên khoa	Tỷ lệ phẫu thuật PHACO tại khoa Liên chuyên khoa	Hàng quý	52.5%	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Không đạt
					30%	40%	40%	40%	
8	Khoa Bệnh nhiệt đới	Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định Cúm A tại khoa Bệnh nhiệt đới	Hàng quý	5.7%	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Đạt
					0.6%	0.4%	0,3%	0,3%	
9	Khoa Dinh dưỡng tiết chế	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về suất ăn bệnh lý	6 tháng/lần	100	6 tháng đầu năm		6 tháng cuối năm		Không đạt
					96%		97%		

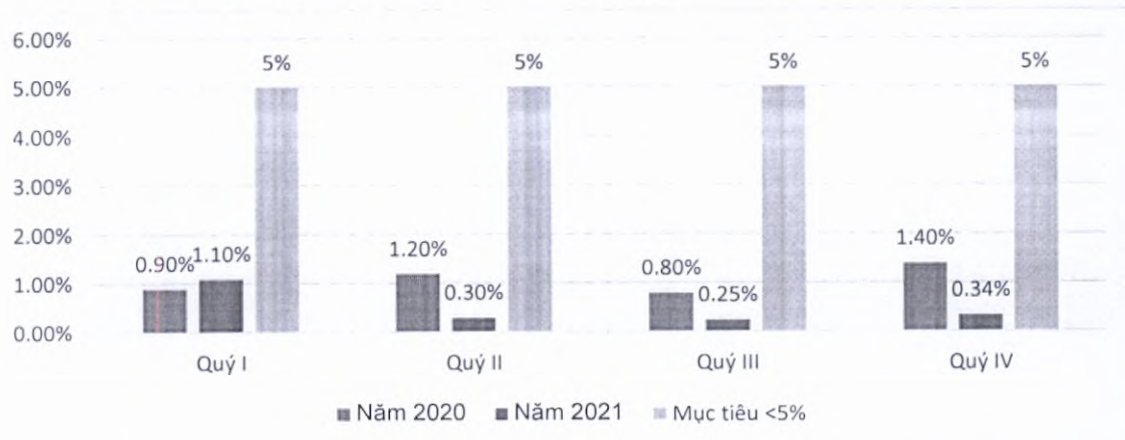
KẾT QUẢ
CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA TRUNG TÂM UNG BƯỚU – TRUNG TÂM ĐỘT QUY

STT	ĐƠN VỊ	TÊN CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG	TẦN SUẤT	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ				ĐÁNH GIÁ
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	Trung tâm Đột quy	Tỷ lệ người bệnh đột quy chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh	Hàng quý	1.15	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Đạt
					0,79%	0,63%	1,23%	0,57%	
2	Đơn vị Xạ trị - YHHN	Thời gian nằm viện trung bình của người bệnh điều trị ung thư da	Hàng quý	10	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Không đạt
					5.3	11.6	13.5	15	
3	Đơn vị Hóa trị và CSGN	Tỷ lệ NB sử dụng giường yêu cầu	6 tháng, 12 tháng	1.5	6 tháng		12 tháng		Đạt
					1,03%		23,62%		
4	Đơn vị Phẫu Thuật ung bướu	Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	6 tháng, 12 tháng	100	6 tháng		12 tháng		Không đạt
					90,45%		91,14		

2. Kết quả chi tiết về việc thực hiện chỉ số chất lượng

2.1. Khoa Cấp cứu

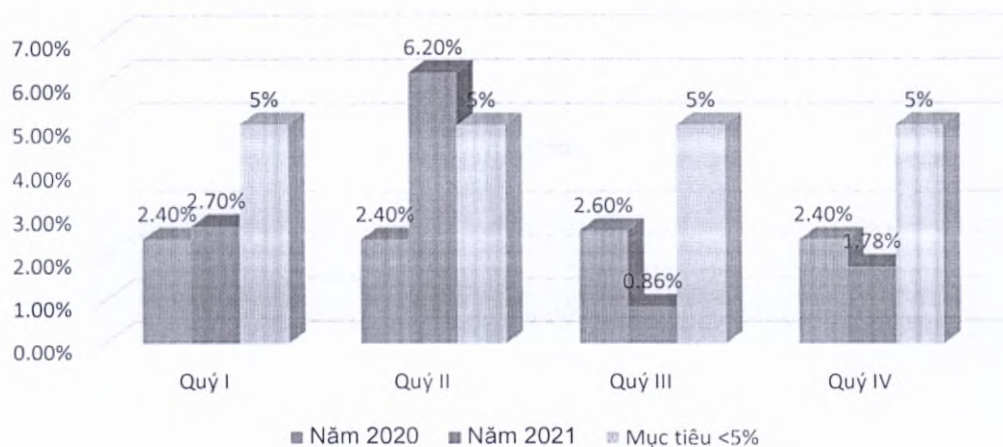
Chỉ số 1: Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên điều trị tại khoa Cấp Cứu



Biểu đồ 1: Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên điều trị tại khoa Cấp Cứu

Tỷ lệ người bệnh chuyển lên tuyến trên của năm 2021 có chiều hướng giảm rõ rệt so với năm 2020 và thấp hơn so với mục tiêu đã đề ra <5%. Từ đó cho thấy NVYT đã rất nỗ lực học tập trau dồi kiến thức để điều trị người bệnh đạt hiệu quả cao nhất nhằm giúp người bệnh yên tâm, tin tưởng điều trị tại bệnh viện.

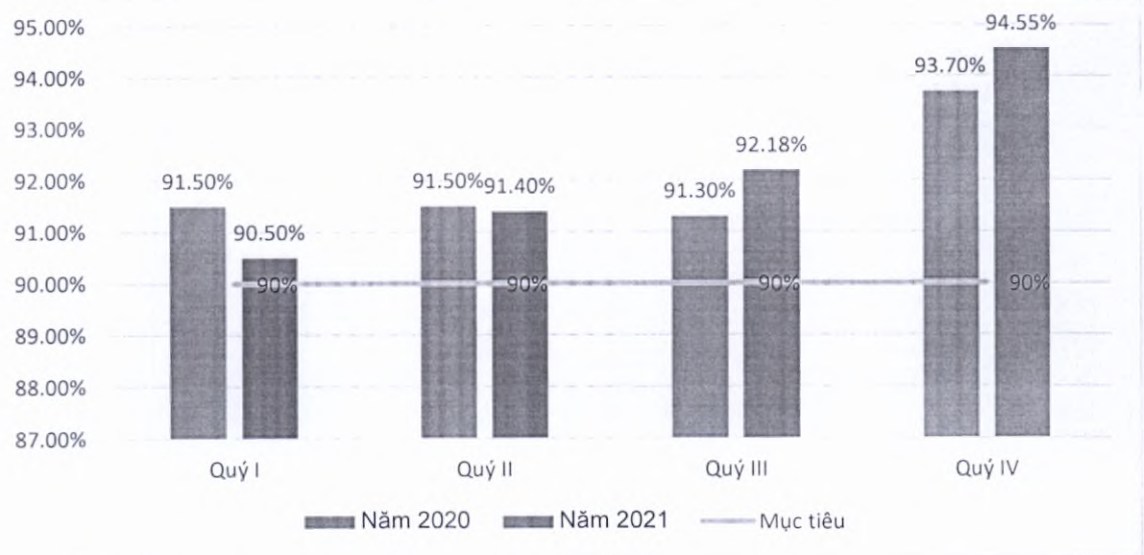
Chỉ số 2: Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong tất cả các bệnh tại khoa Cấp Cứu



Biểu đồ 2: Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong tất cả các bệnh tại khoa Cấp Cứu

Từ biểu đồ trên ta thấy tỷ lệ người bệnh tử vong và tiên lượng xin về năm 2021 tăng cao hơn so với năm 2020 và ở quý II tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong chiếm 6.2% cao hơn 1.2% so với mục tiêu đã đề ra là <5%.

Chỉ số 3: Tỷ lệ cấp cứu, điều trị thành công trong tất cả các bệnh tại khoa Cấp Cứu



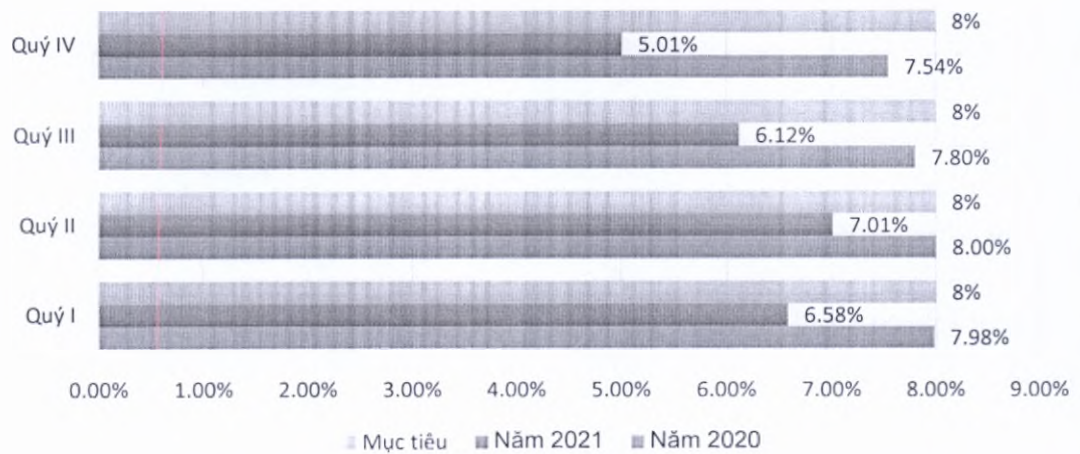
Biểu đồ 3: Tỷ lệ cấp cứu, điều trị thành công trong tất cả các bệnh tại khoa Cấp Cứu

Qua biểu đồ 3 cho thấy tỷ lệ cấp cứu năm 2021, điều trị thành công mặt bằng trung tương đương so với năm 2020 và đã vượt mục tiêu đã đề ra ban đầu là 90%.

Từ kết quả phân tích các chỉ số chất lượng của khoa cấp cứu ta thấy chất lượng điều trị của khoa cấp cứu ngày càng nâng cao, người bệnh an tâm điều trị. Tuy nhiên đội ngũ NVYT cần nỗ lực hơn nữa để chất lượng điều trị ngày càng được nâng cao và phát triển hơn nữa để cấp cứu và điều trị kịp thời cho người bệnh.

2.2. Khoa Thăm dò chức năng

Chỉ số 4: Tỷ lệ người bệnh phát hiện u đường tiêu hóa sau thực hiện nội soi đường tiêu hóa

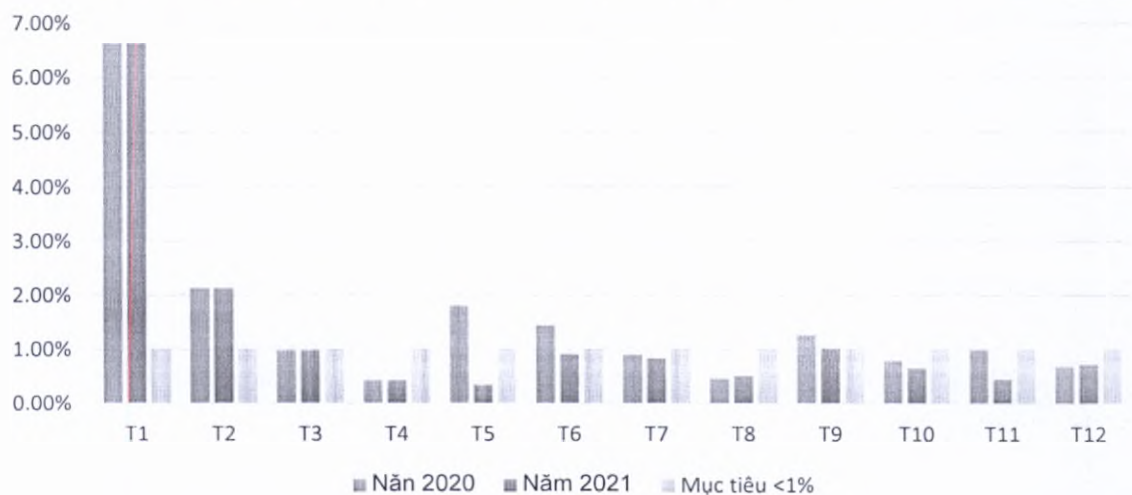


Biểu đồ 4: Tỷ lệ người bệnh phát hiện u đường tiêu hóa sau thực hiện nội soi đường tiêu hóa

Qua biểu đồ trên nhận thấy tỷ lệ người bệnh phát hiện u đường tiêu hóa sau thực hiện nội soi đường tiêu hóa năm 2021 có chiều hướng giảm so với năm 2020. Người bệnh sau khi nội soi vô tình phát hiện thấy những khối u bất thường trên đường tiêu hóa có thể đến sớm hoặc muộn liên quan đến sức khỏe người bệnh. Vì vậy nhân viên y tế cần hướng dẫn và tư vấn người bệnh khám sức khỏe định kỳ để kịp thời xử lý. Cán bộ nhân viên y tế phòng nội soi không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn để phát hiện sớm và xử lý kịp thời cho người bệnh.

2.3. Khoa Khám bệnh

Chỉ số 5: Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)

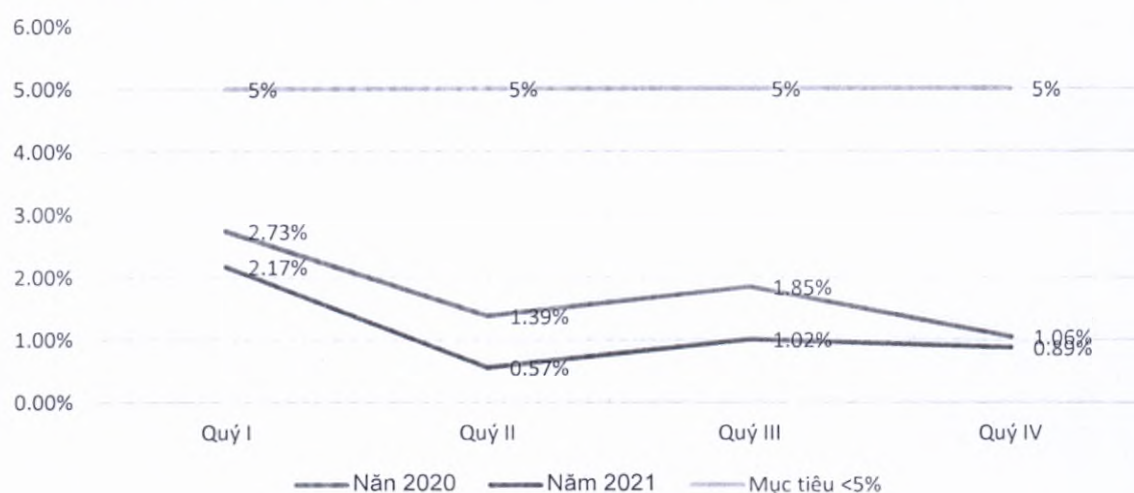


Biểu đồ 5: Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)

Từ biểu đồ nhận thấy tỷ lệ người bệnh chuyển tuyến trên đối với tất cả các bệnh chiếm tỷ lệ cao ở tháng 1 trong cả 2 năm và có xu hướng giảm ở tất cả các tháng tuy nhiên tính trung bình thì tỷ lệ không đạt so với mục tiêu đề ra. Khoa Khám bệnh cần nâng cao trình độ chuyên môn hơn nữa để nhằm đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người bệnh và thực hiện khám bệnh chuyên sâu và tư vấn tìm hiểu nguyện vọng của người bệnh để tìm biện pháp cải tiến chất lượng tốt hơn.

2.4. Phòng Kế hoạch tổng hợp

Chỉ số 6: Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)

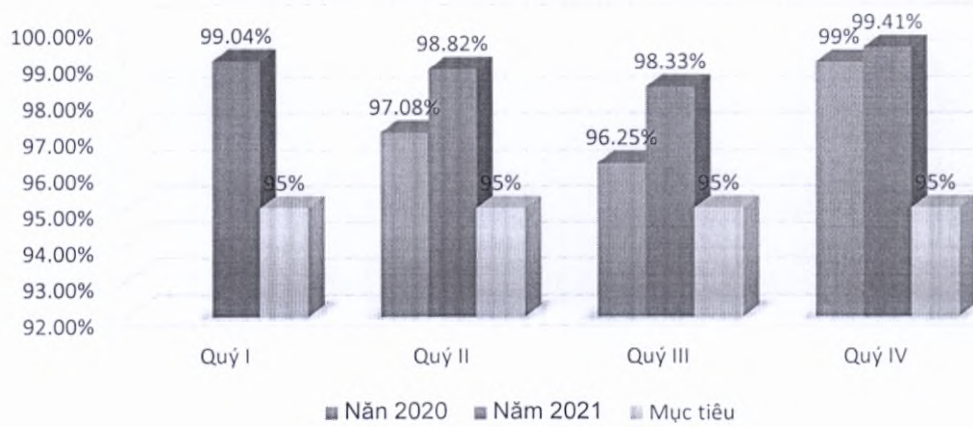


Biểu đồ 6: Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)

Qua biểu đồ tổng hợp chung của phòng Kế hoạch tổng hợp về tỷ lệ người bệnh chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh đối với tất cả các bệnh trong bệnh viện có chiều hướng giảm rõ rệt qua các quý và từ đó cho thấy chất lượng điều trị ngày càng được nâng cao, người bệnh hài lòng và an tâm điều trị tại bệnh viện.

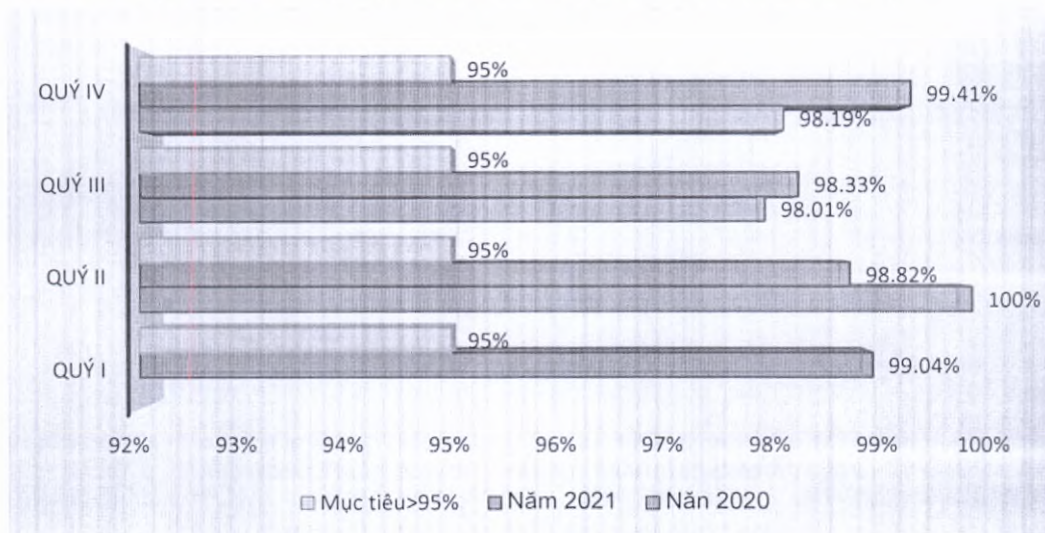
2.5. Phòng Quản lý chất lượng

Chỉ số 7: Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú



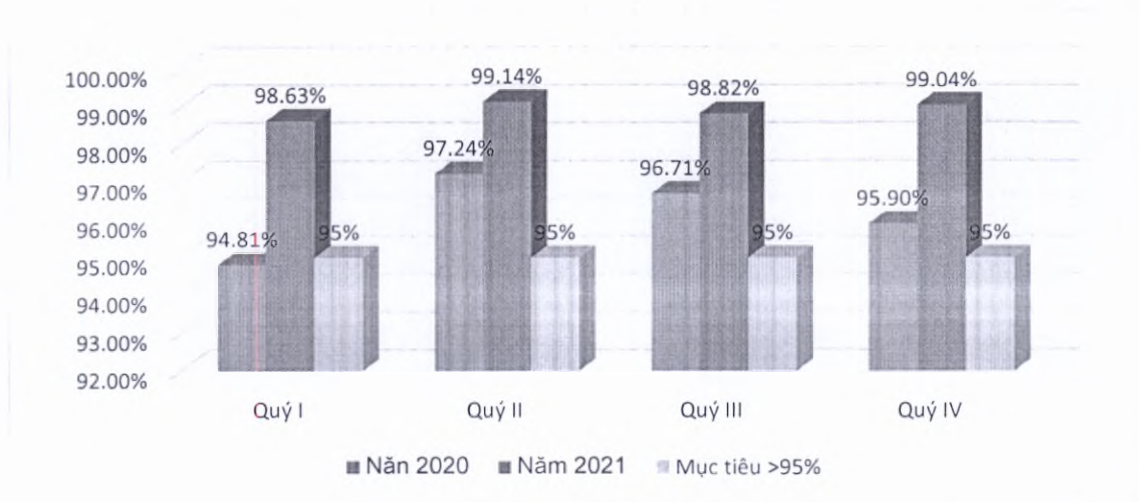
Biểu đồ 7: Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú

Chỉ số 8: Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú (TT KCBCLC)



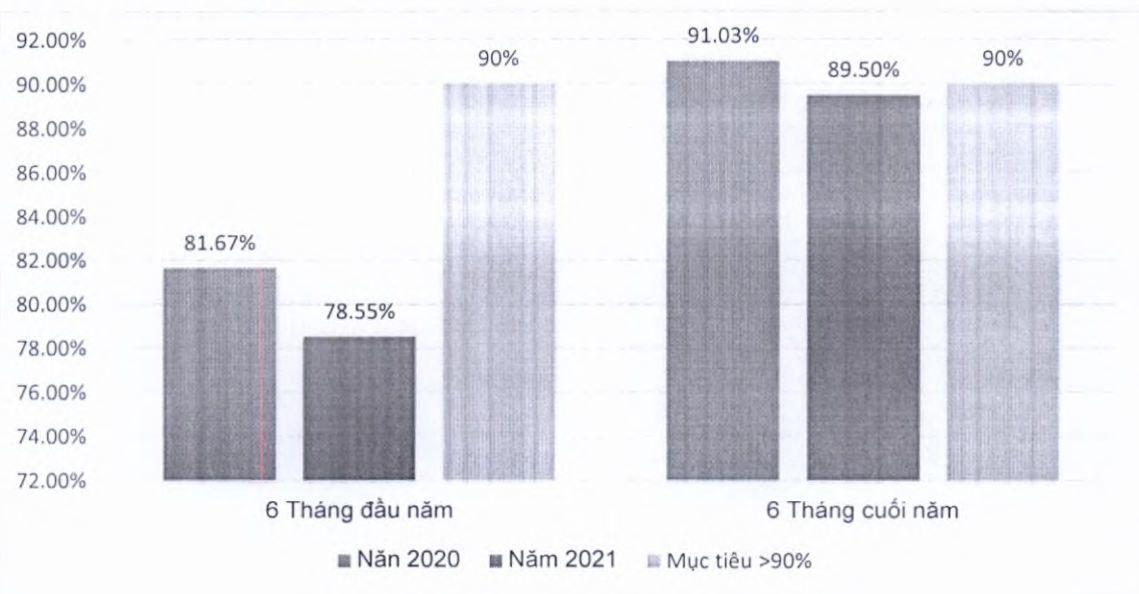
Biểu đồ 8: Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú (TT KCBCLC)

Chỉ số 9: Tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú



Biểu đồ 9: Tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú

Chỉ số 10: Tỷ lệ hài lòng NVYT



Biểu đồ 10: Tỷ lệ hài lòng NVYT

Qua kết quả thu thập chỉ số chất lượng của phòng Quản lý chất lượng ta nhận thấy tỷ lệ hài lòng người bệnh và nhân viên y tế đạt mức rất cao ở các năm. Theo mục tiêu đưa ra đầu năm 2021 cho thấy chỉ số chất lượng về tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú và ngoại trú đều vượt mục tiêu, kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chỉ số hài lòng của nhân viên y tế thấp hơn so với mục tiêu, tuy nhiên sau khi thực hiện giải pháp kịp thời đã đưa chỉ số hài lòng lên 89.50% trong 6 tháng cuối năm. Qua kết quả phân tích cho thấy người bệnh rất hài lòng với chất lượng khám chữa bệnh tại bệnh viện, nhân viên y tế rất hài lòng về chế độ của bệnh

viện như vấn đề: Lương thưởng, môi trường làm việc, lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp,...

2.6. Khoa Dược

Chỉ số 11: Tỷ lệ đánh giá nhiệt độ, độ ẩm trong kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn GSP

Tỷ lệ đánh giá nhiệt độ, độ ẩm trong kho bảo quản thuốc luôn đạt tiêu chuẩn GSP trong tất cả các năm và đều giữ mức ổn định và trong giá trị cho phép với tỷ lệ là 66%.

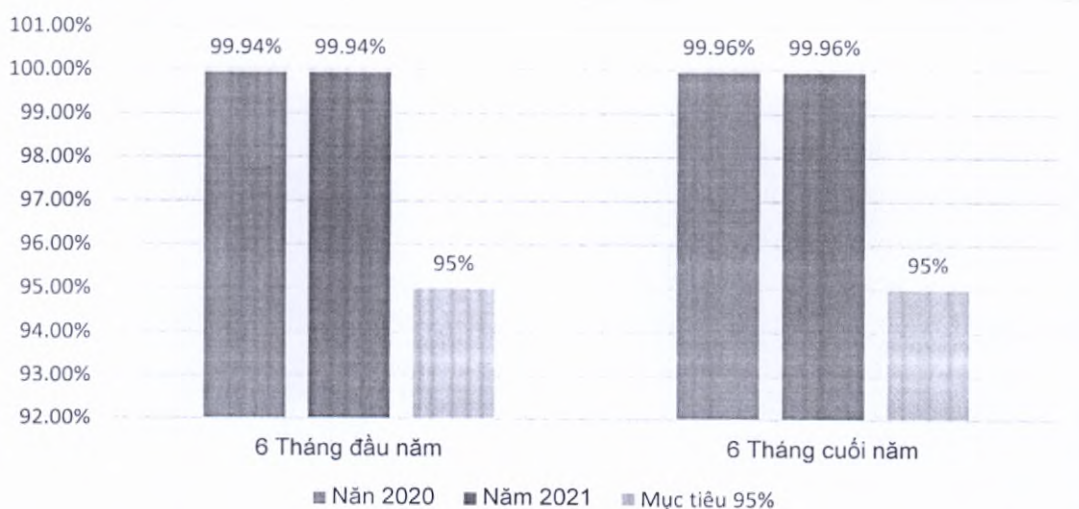
2.7. Phòng Hành chính quản trị

Chỉ số 12: Tỷ lệ các khoa, phòng, trung tâm, đơn vị trong bệnh viện được cung ứng đầy đủ văn phòng phẩm

Tỷ lệ các khoa, phòng, trung tâm, đơn vị trong bệnh viện được cung ứng đầy đủ văn phòng phẩm chiếm 100% ở tất cả các năm và đạt chỉ tiêu đề ra. Phòng luôn đảm bảo cung ứng đầy đủ văn phòng phẩm cho các đơn vị sử dụng cho người bệnh, người nhà người bệnh và NVYT.

2.8. Phòng Marketing & TT

Chỉ số 13: Tỷ lệ hài lòng của Người bệnh với dịch vụ KCB khảo sát qua hệ thống Tổng đài CSKH



Biểu đồ 11: Tỷ lệ hài lòng của Người bệnh với dịch vụ KCB khảo sát qua hệ thống Tổng đài CSKH

Tỷ lệ hài lòng của Người bệnh với dịch vụ KCB khảo sát qua hệ thống Tổng đài CSKH trong năm vừa qua đạt tỷ lệ rất cao và luôn vượt mức chỉ tiêu đề ra ở tất cả các năm.

2.9. Phòng Điều dưỡng

Chỉ số 14: Tỷ lệ hiểu biết của người bệnh/người nhà người bệnh trong sử dụng thuốc

Theo kết quả khảo sát của phòng điều dưỡng cho thấy tỷ lệ hiểu biết của người bệnh và người nhà người bệnh trong việc sử dụng thuốc đạt tỷ lệ cao và vượt mức đề ra và đạt 96,17%.

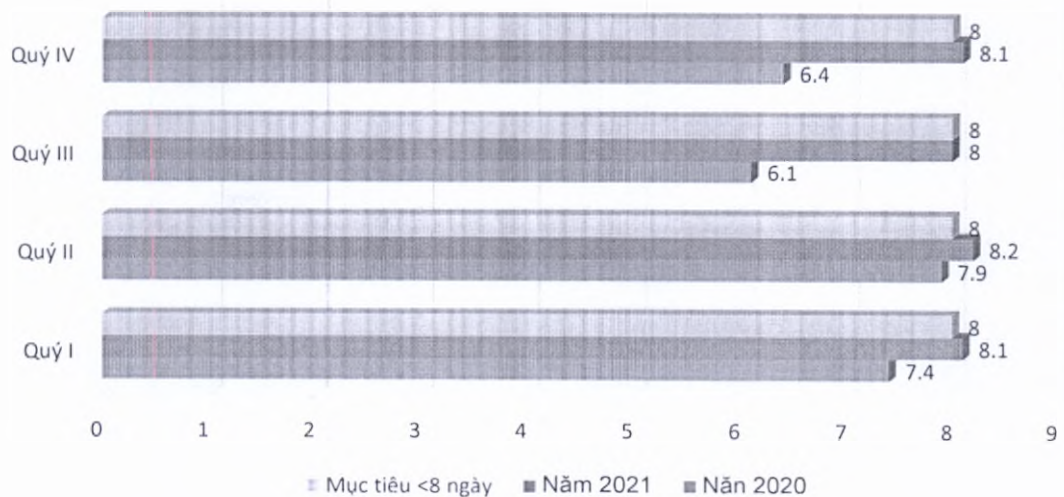
2.10. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế

Chỉ số 15: Tỷ lệ trang thiết bị vật tư y tế được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định

Vật tư, trang thiết bị của phòng Vật tư – TBYT được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và đạt 100% ở tất cả các năm. Cho thấy cán bộ nhân viên y tế phòng vật tư luôn có trách nhiệm và tuân thủ đúng quy định bệnh viện đưa ra.

2.11. Đơn vị Phẫu thuật Tim mạch – Lồng ngực

Chỉ số 16: Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh

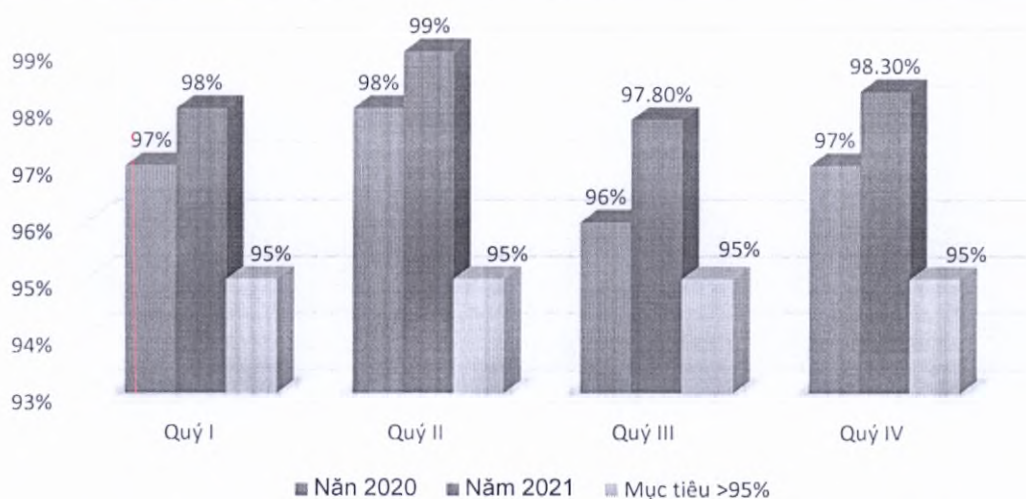


Biểu đồ 12: Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh

Từ biểu đồ thời gian nằm viện trung bình của Đơn vị Phẫu Thuật Tim mạch – Lồng ngực tổng hợp trên cho thấy thời gian nằm viện trung bình trong năm 2021 dao động từ 8 đến 8.2 ngày và vượt mục tiêu khoa đưa ra đầu năm <8 ngày và thời gian trung bình cao hơn so với năm 2020.

2.12. Đơn vị Hồi sức cấp cứu

Chỉ số 17: Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh tại đơn vị Hồi sức cấp cứu

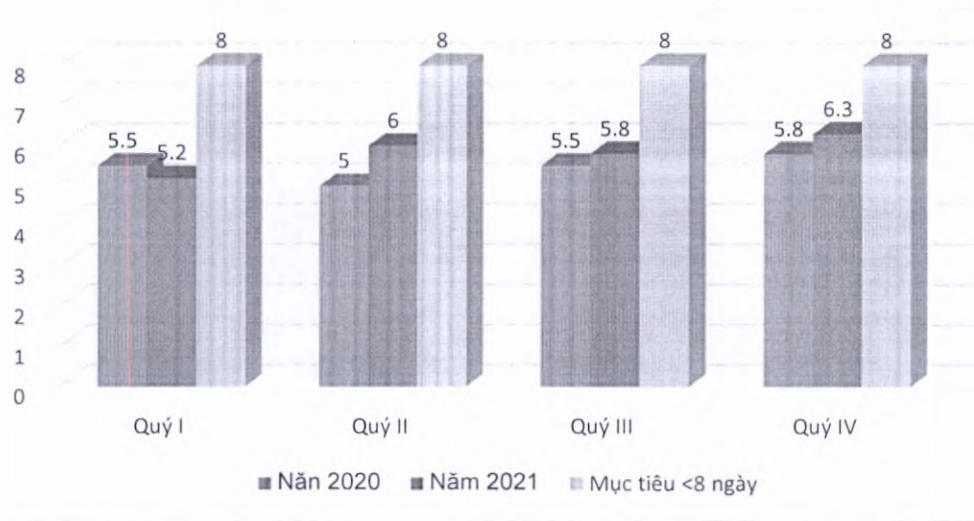


Biểu đồ 13: Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh tại đơn vị Hồi sức cấp cứu

Qua kết quả thu thập của Đơn vị Hồi sức cấp cứu về tỷ lệ hài lòng người bệnh với chất lượng khám chữa bệnh tại đơn vị cho thấy tỷ lệ hài lòng người bệnh năm 2021 cao hơn so với năm 2020 và đạt tỷ lệ rất cao ở tất cả các quý vượt mức mục tiêu đề ra từ đầu năm là >95%. Đơn vị Hồi sức cần tiếp tục duy trì và phát huy để người bệnh luôn hài lòng với chất lượng khám chữa bệnh của đơn vị.

2.13. Đơn vị Nội yêu cầu

Chỉ số 18: Thời gian nằm viện trung bình của người bệnh điều trị xuất huyết tiêu hóa

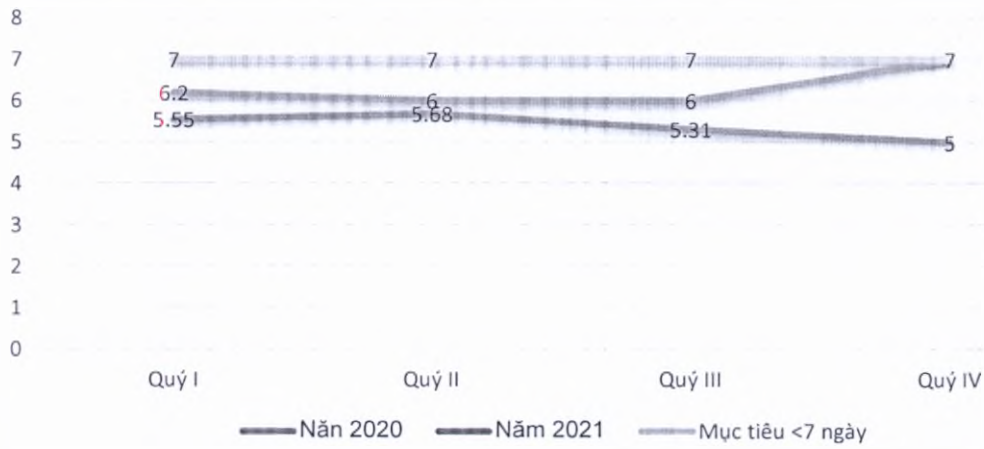


Biểu đồ 14: Thời gian nằm viện trung bình của người bệnh điều trị xuất huyết tiêu hóa

Thời gian nằm điều trị trung bình của người bệnh điều trị xuất huyết tiêu hóa tại đơn vị Nội yêu dao động từ 5.2 ngày đến 6.3 ngày trong năm 2021 và đã đạt mục tiêu đưa ra từ đầu năm của đơn vị là <8 ngày. Qua đó cho thấy chất lượng điều trị của người bệnh được cải thiện rõ rệt. Đội ngũ cán bộ nhân viên của đơn vị cần không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn để chất lượng điều trị ngày càng nâng cao, tỷ lệ nằm viện trung bình giữ mức ổn định theo đúng mục tiêu đơn vị đề ra.

2.14. Đơn vị Ngoại Yêu cầu

Chỉ số 19: Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh

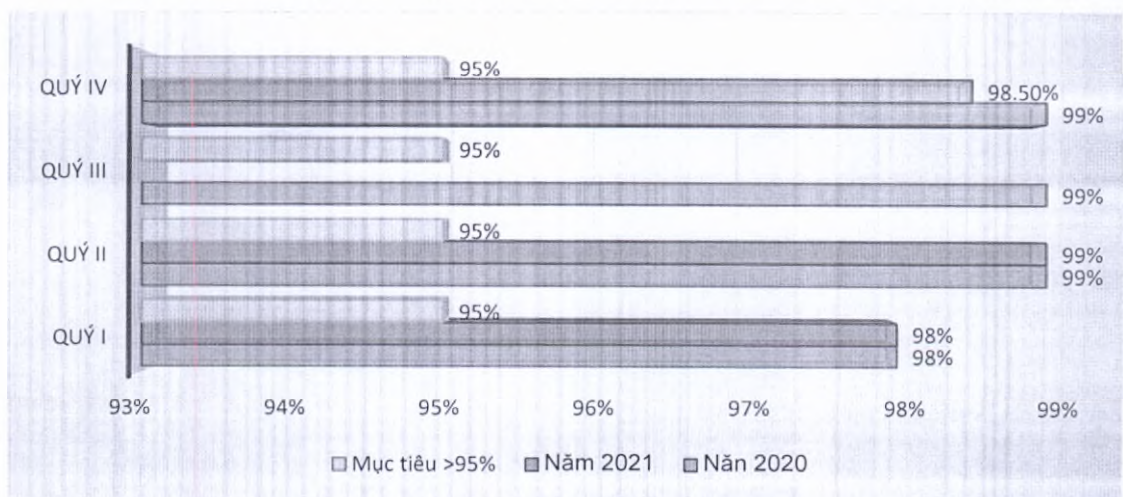


Biểu đồ 15: Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh

Đối với đơn vị Ngoại Yêu cầu tỷ lệ thời gian nằm viện trung bình cũng đạt mục tiêu đơn vị đề ra trong năm và dao động từ 5 đến 5.68 ngày so với quý IV của năm 2020 và quý IV của năm 2021 thì thời gian nằm điều trị ở quý IV giảm từ 7 ngày xuống còn 5 ngày. Từ đó cho thấy chất lượng điều trị của đơn vị ngày càng nâng cao và rất hiệu quả. Đơn vị cần duy trì và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ người bệnh.

2.15. Khoa Tư vấn & CSSKGD

Chỉ số 20: Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám sức khỏe định kỳ

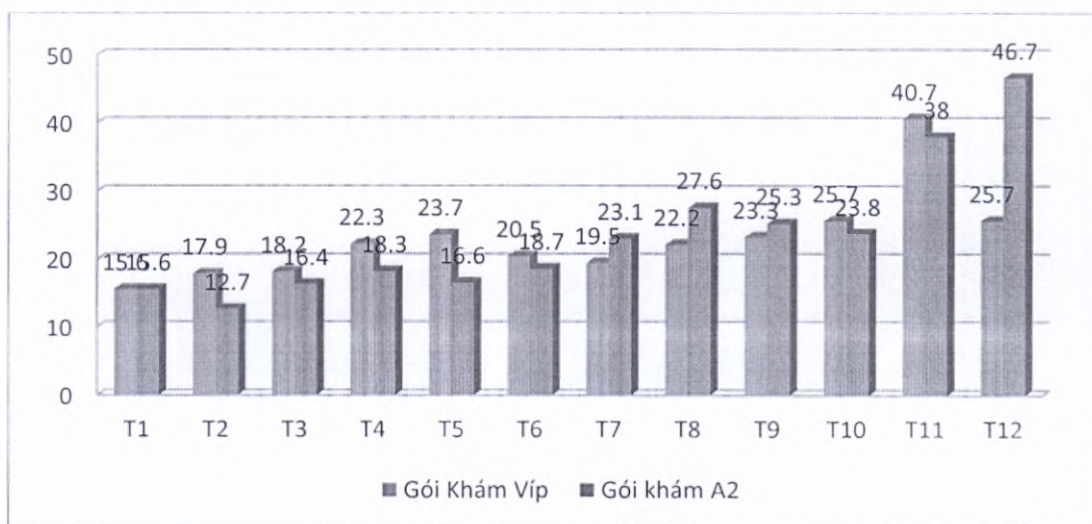


Biểu đồ 16: Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám sức khỏe định kỳ

Qua biểu đồ tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám sức khỏe định kỳ của khoa Tư vấn & CSSKGD cho thấy tỷ lệ hài lòng của người bệnh đạt mức độ rất cao qua các năm và vượt mức mục tiêu đề ra của khoa. Tuy nhiên ở quý III năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên không triển khai khám sức khỏe. Nhân viên khoa Tư vấn & CSSKGD cần nỗ lực hơn nữa nhằm duy trì kết quả hài lòng trên.

2.16. Đơn vị Khám bệnh yêu cầu

Chỉ số 21: Tỷ lệ người bệnh đăng kí gói khám VIP và gói khám A2

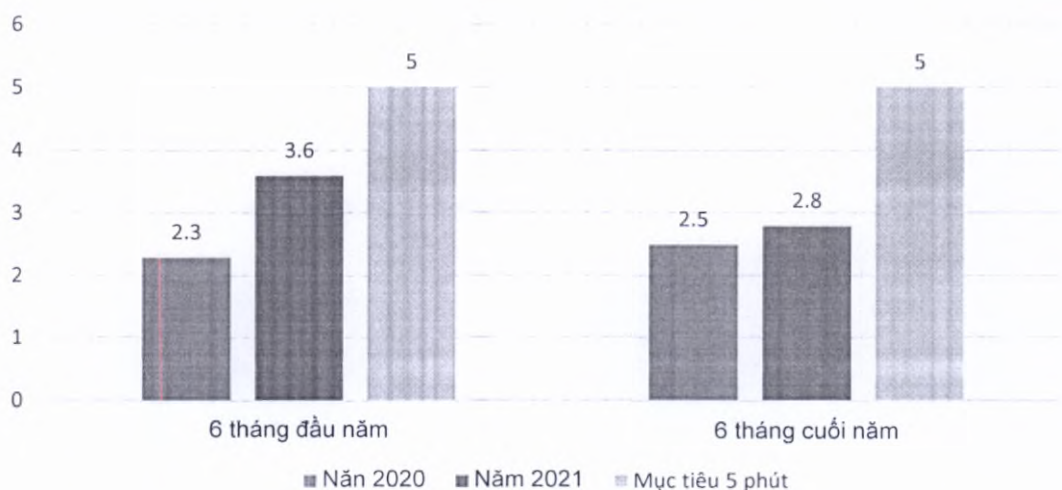


Biểu đồ 17: Tỷ lệ người bệnh đăng kí gói khám VIP và gói khám A2

Tỷ lệ người bệnh đăng ký gói khám VIP và gói khám A2 tại đơn vị khám, chữa bệnh theo yêu cầu qua bảng trên ta thấy tỷ lệ đăng ký được tăng dần theo qua các tháng. Đơn vị cần duy trì và đẩy mạnh kỹ năng tư vấn đối với người bệnh và tiếp tục duy trì và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh.

2.17. Đơn vị Công nghệ thông tin

Chỉ số 22: Thời gian trung bình xử lý sự cố phát sinh liên quan đến CNTT



Biểu đồ 18: Thời gian trung bình xử lý sự cố phát sinh liên quan đến CNTT

Thời gian trung bình xử lý sự cố phát sinh liên quan đến CNTT tại bệnh viện trong năm vừa qua chiếm tỷ lệ thấp và thấp hơn mục tiêu đơn vị đề ra. Qua kết quả tổng hợp được cho thấy các sự cố phát sinh liên quan đến công nghệ thông tin đều được phát hiện và xử lý kịp thời.

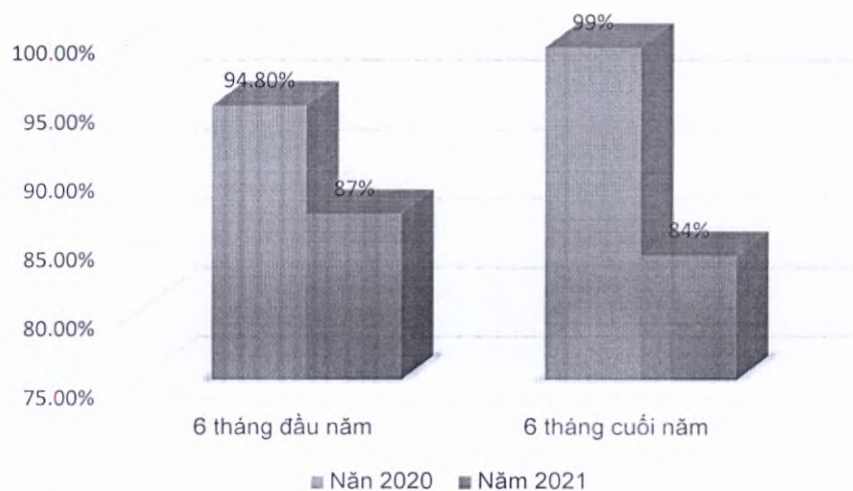
2.18. Đơn vị NCKH & HTQT

Chỉ số 23: Tỷ lệ Khoa, Phòng và Đơn vị trong Bệnh viện thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

Qua kết quả báo cáo của đơn vị NCKH&HTQT thì tỷ lệ các khoa, phòng, TT Đơn vị thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở với tỷ lệ cao 76.7%. Tuy nhiên Đơn vị cần phải đẩy mạnh phong trào thực hiện đề tài nghiên cứu đến 100% các khoa, phòng.

2.19. Phòng Tổ chức cán bộ

Chỉ số 24: Nhu cầu nhân lực ở các khoa, phòng, trung tâm, đơn vị



Biểu đồ 19: Nhu cầu nhân lực ở các khoa, phòng, trung tâm, đơn vị

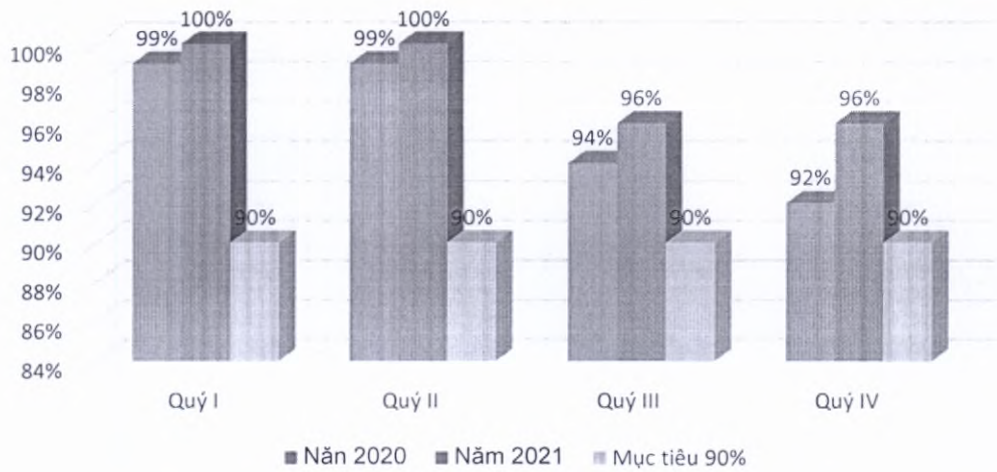
Qua biểu đồ cho thấy một số đơn vị còn thiếu nhân lực trong năm 2021, so với năm 2020 thì năm 2021 nhu cầu nhân lực của các khoa, phòng, TT đơn vị đã giảm từ 94.80% xuống 87% ở 6 tháng đầu năm và từ 99% xuống 84% ở 6 tháng cuối năm, vì vậy Phòng TCCB cần xem xét nhu cầu thực tế tại các khoa, phòng, TT đơn vị nhằm đảm bảo tốt hoạt động của các khoa, phòng.

2.20. Đơn vị Đào tạo – Chỉ đạo tuyển

Tỷ lệ hài lòng của học viên tuyển dưới khi làm việc với Đơn vị trong năm 2021 đạt 100%. Qua đó ta thấy đơn vị đã đáp ứng được so với mong đợi của học viên khi tham gia đăng ký học tại bệnh viện.

2.21. Khoa Giải phẫu bệnh

Chỉ số 25: Tỷ lệ thời gian trả kết quả xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung bằng phương pháp ThinPrep đúng hẹn

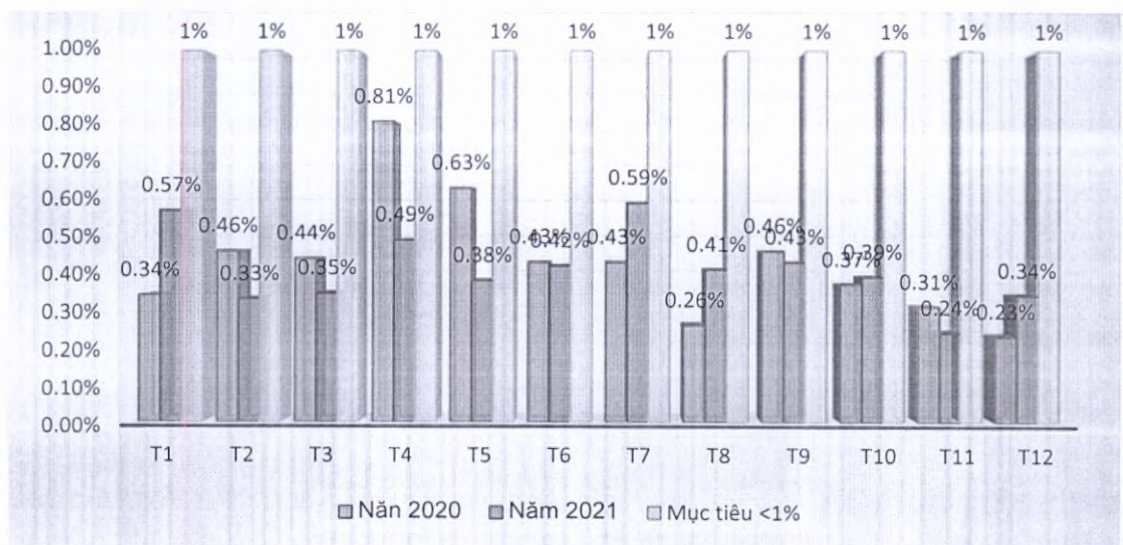


Biểu đồ 20: Tỷ lệ thời gian trả kết quả xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung bằng phương pháp ThinPrep đúng hẹn

Từ biểu đồ trên cho thấy tỷ lệ trả kết quả xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung sớm bằng phương pháp ThinPrep đúng hẹn đạt tỷ lệ cao qua các năm và vượt mức chỉ tiêu đề ra, từ đó cho thấy khoa Giải phẫu bệnh làm việc trách nhiệm cao nhất và kịp tiến độ đảm bảo người bệnh có kết quả đúng hẹn và không ảnh hưởng đến quá trình điều trị.

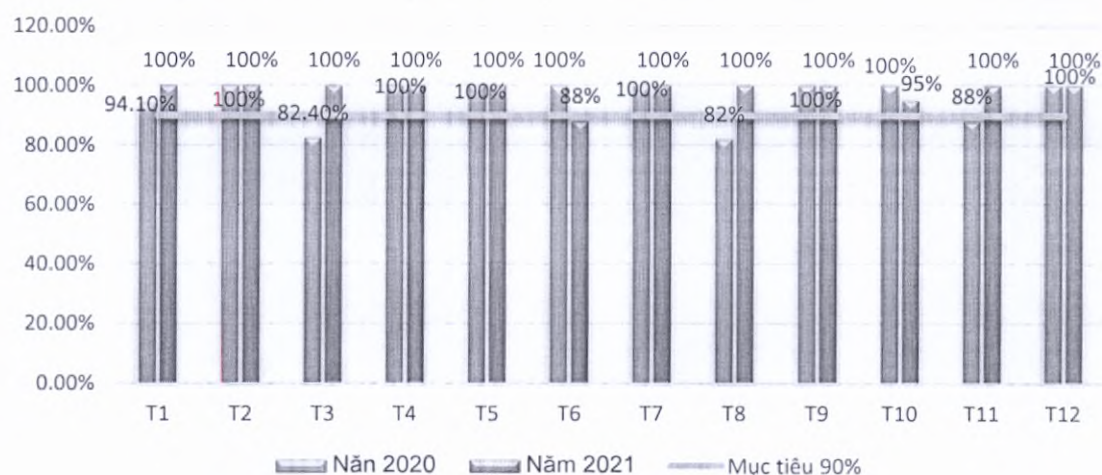
2.22. Đơn vị xét nghiệm huyết học

Chỉ số 26: Tỷ lệ từ chối bệnh phẩm



Biểu đồ 21: Tỷ lệ từ chối bệnh phẩm

Chỉ số 27: Tỷ lệ các chỉ số ngoại kiểm đạt yêu cầu

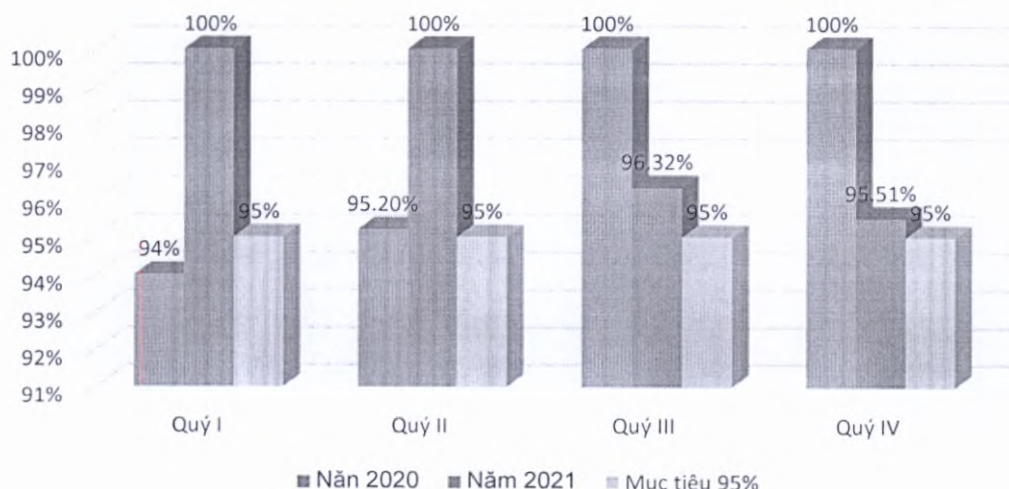


Biểu đồ 22: Tỷ lệ từ chối bệnh phẩm

Tỷ lệ bệnh phẩm bị từ chối vẫn xảy ra ở các năm tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mục tiêu đơn vị đề ra. Đơn vị xem xét tổng hợp các lỗi và đưa ra giải pháp khắc phục cho các khoa, phòng để giảm thiểu tối đa việc từ chối bệnh phẩm và không làm ảnh hưởng đến chất lượng điều trị. Tuy nhiên tỷ lệ các chỉ số ngoại kiểm đạt yêu cầu chiếm tỷ lệ cao và vượt mức chỉ tiêu đề ra.

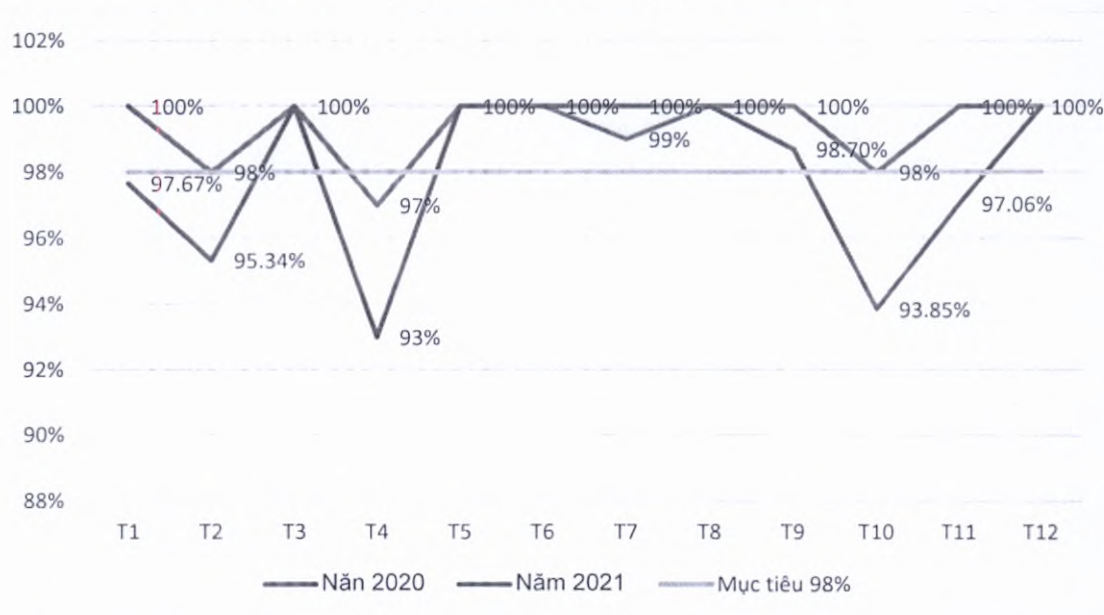
2.23. Đơn vị xét nghiệm hóa sinh

Chỉ số 28: Tỷ lệ kết quả xét nghiệm sinh hóa ngoại trú trả đúng thời gian quy định



Biểu đồ 23: Tỷ lệ kết quả xét nghiệm sinh hóa ngoại trú trả đúng thời gian quy định

Chỉ số 29: Tỷ lệ kết quả xét nghiệm sinh hóa ngoại kiểm đạt

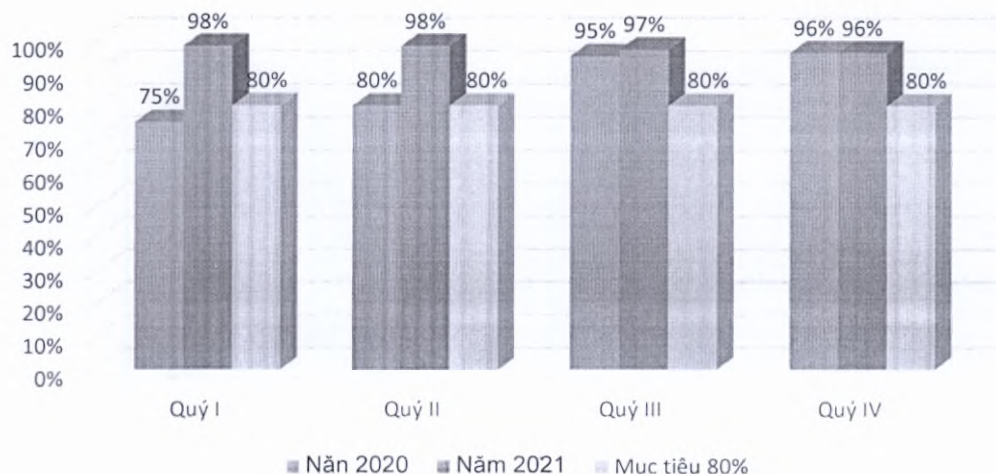


Biểu đồ 24: Tỷ lệ kết quả xét nghiệm sinh hóa ngoại kiểm đạt

Theo kết quả thu thập được của đơn vị Hóa sinh cho thấy tỷ lệ trả kết quả xét nghiệm ngoại trú đúng thời gian quy định đạt >95% và đạt mục tiêu đơn vị đưa ra. Cho thấy chất lượng xét nghiệm của đơn vị đạt tiêu chuẩn gần như chính xác 100% và thời gian trả kết quả đúng tiến độ cần sắp xếp hợp lý hơn nữa để giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến chất lượng điều trị. Và tỷ lệ kết quả xét nghiệm sinh hóa ngoại kiểm đạt với mục tiêu 98% tuy nhiên ở tháng 4 và tháng 8 năm 2021 chưa đạt mục tiêu.

2.24. Đơn vị Huyết học lâm sàng

Chỉ số 30: Tỷ lệ người bệnh Thalassemia tuân thủ điều trị theo đúng phác đồ

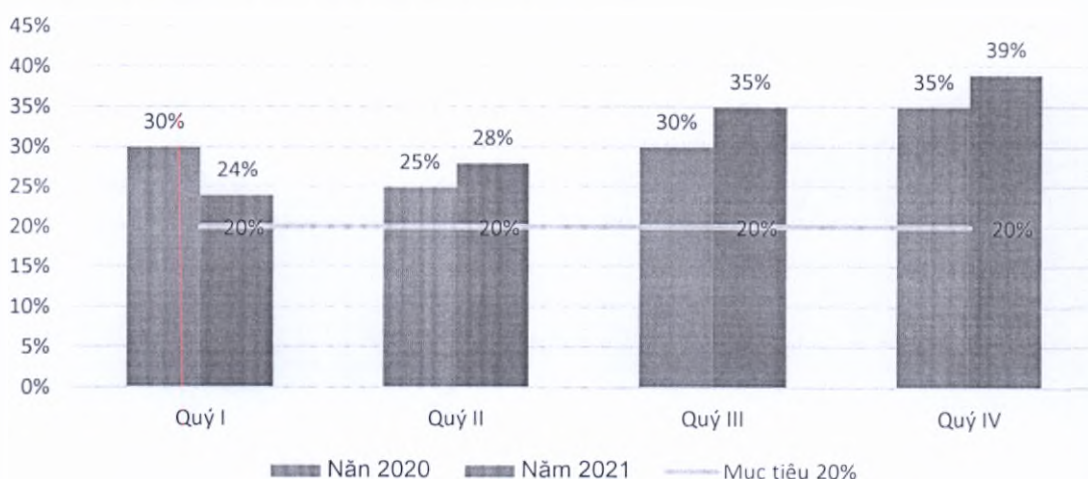


Biểu đồ 25: Tỷ lệ người bệnh Thalassemia tuân thủ điều trị theo đúng phác đồ

Tỷ lệ người bệnh thalassemia tuân thủ phác đồ có chiều hướng tăng hơn so với năm 2020, cán bộ NVYT cần giải thích cho người bệnh mức độ nguy hiểm của bệnh và tư vấn việc cần thiết tuân thủ phác đồ điều trị để người bệnh hiểu được và đạt được hiệu quả điều trị tốt nhất.

2.25. Đơn vị Can thiệp Tim mạch

Chỉ số 31: Tỷ lệ can thiệp động mạch vành

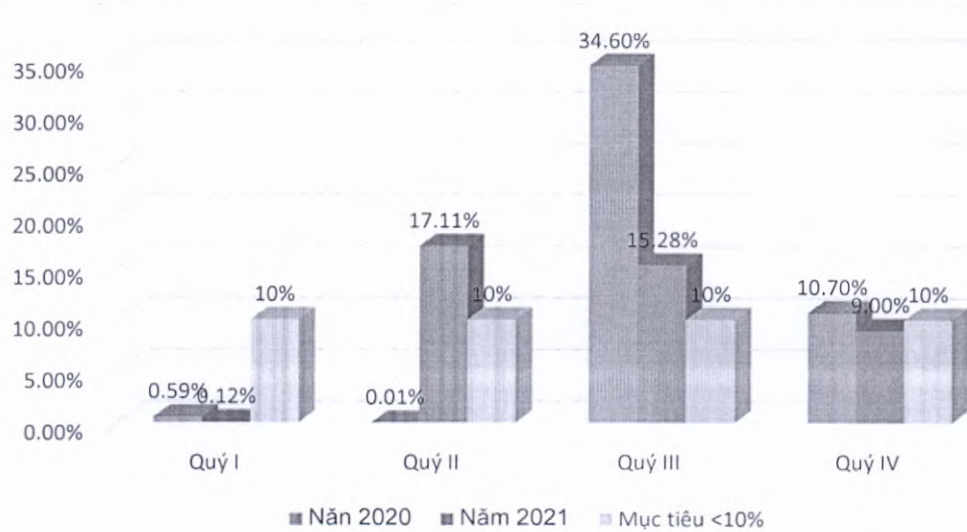


Biểu đồ 26: Tỷ lệ can thiệp động mạch vành

Tỷ lệ người bệnh can thiệp động mạch vành có xu hướng tăng lên trong năm 2021. Chỉ số này giúp đơn vị luôn sẵn sàng nguồn lực và kịp thời đào tạo đội ngũ chuyên môn cao nhằm can thiệp cho người bệnh đạt hiệu quả cao nhất.

2.26. Khoa Hồi sức tích cực – Chống độc

Chỉ số 32: Tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu trên NB đặt sonde tiểu tại khoa

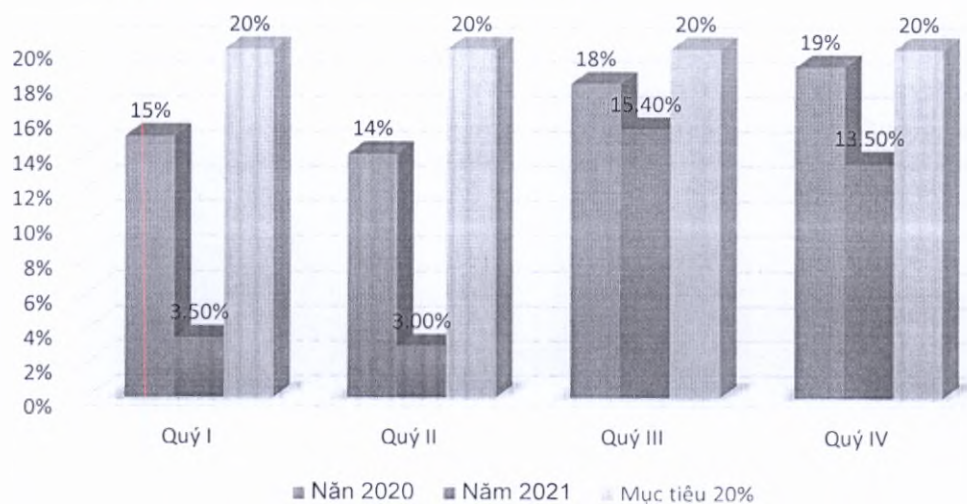


Biểu đồ 27: Tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu trên NB đặt sonde tiểu tại khoa

Tỷ lệ người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu tại khoa Hồi sức tích cực – Chống độc có xu hướng tăng lên ở quý II và quý III trong năm 2021 và có sự chênh lệch không nhiều ở các quý trong năm do đặc thù người bệnh nặng phải điều trị dài ngày hoặc liên quan đến công tác vệ sinh của cán bộ NVYT. Tuy nhiên tỷ lệ này cũng kịp thời khắc phục trong quý IV năm 2021.

2.27. Đơn vị Nội Tim mạch & Cấp cứu Tim mạch

Chỉ số 33: Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật siêu âm tim 4D

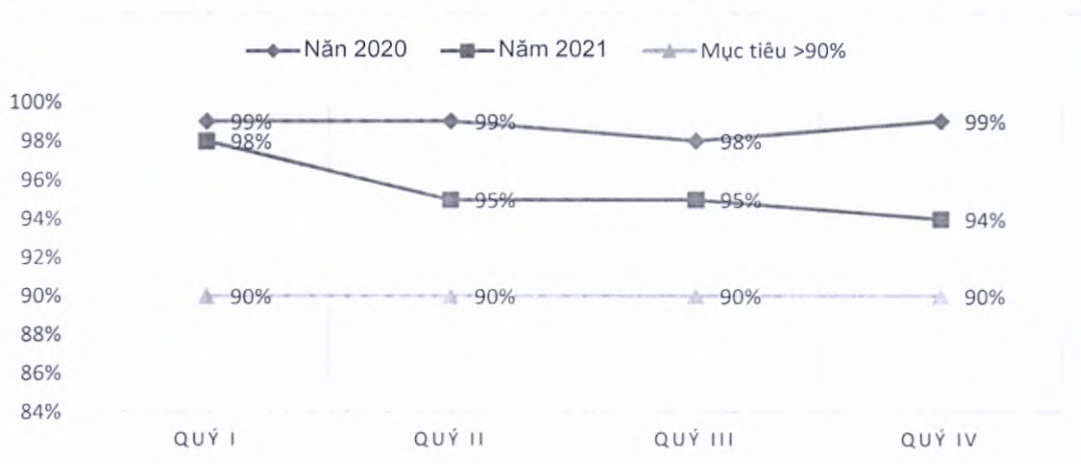


Biểu đồ 28: Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật siêu âm tim 4D

Qua biểu đồ kết quả thu thập được của khoa Nội Tim mạch & Cấp cứu Tim mạch cho thấy tỷ lệ người bệnh thực hiện kỹ thuật siêu âm tim 4D dao động 3.50% đến 15.40% trong năm 2021 và giảm đi so với năm 2020. Với mục tiêu ban đầu đề ra là 20% đơn vị đã không hoàn thành mục tiêu.

2.28. Đơn vị *Huyết học truyền máu*

Chỉ số 34: Thời gian trả kết quả xét nghiệm cho người hiến máu tình nguyện

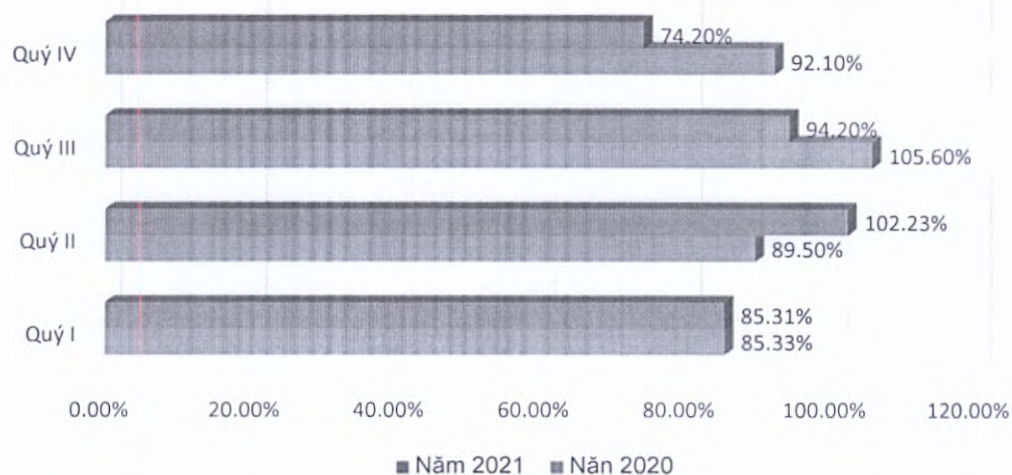


Biểu đồ 29: Thời gian trả kết quả xét nghiệm cho người hiến máu tình nguyện

Thời gian trả kết quả xét nghiệm cho người hiến máu tình nguyện được thu thập tại đơn vị huyết học truyền máu đạt mức cao ở tất cả các quý và vượt mục tiêu đưa ra trong năm của đơn vị là >90%. Cán bộ NVYT rất có trách nhiệm và trả kết quả xét nghiệm kịp thời cho người hiến máu tình nguyện.

2.29. Khoa *Gây mê hồi sức*

Chỉ số 35: Hiệu suất sử dụng phòng mổ

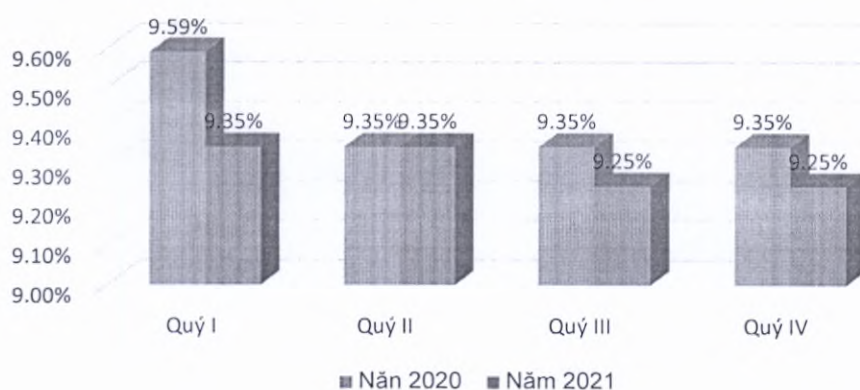


Biểu đồ 30: Hiệu suất sử dụng phòng mổ

Hiệu suất sử dụng phòng mổ tại khoa Gây mê hồi sức đạt tỷ lệ cao vượt mức chỉ tiêu đưa ra, thậm chí quý II năm 2021 hiệu suất sử dụng phòng mổ vượt trên 100%. Cho thấy khoa Gây mê hồi sức sử dụng hết công suất phòng mổ nhằm phẫu thuật kịp thời cho người bệnh. Tuy nhiên ở quý IV năm 2021 công suất sử dụng phòng mổ chỉ có 74.20%.

2.30. Đơn vị Vi sinh

Chỉ số 36: Tỷ lệ cấy máu nghi ngờ bị nhiễm



Biểu đồ 31: Tỷ lệ cấy máu nghi ngờ bị nhiễm

Tỷ lệ cấy máu bị nhiễm dao động dưới 10%, như vậy con số cũng không lớn. Tuy nhiên tỷ lệ này rất hữu ích cho việc điều trị.

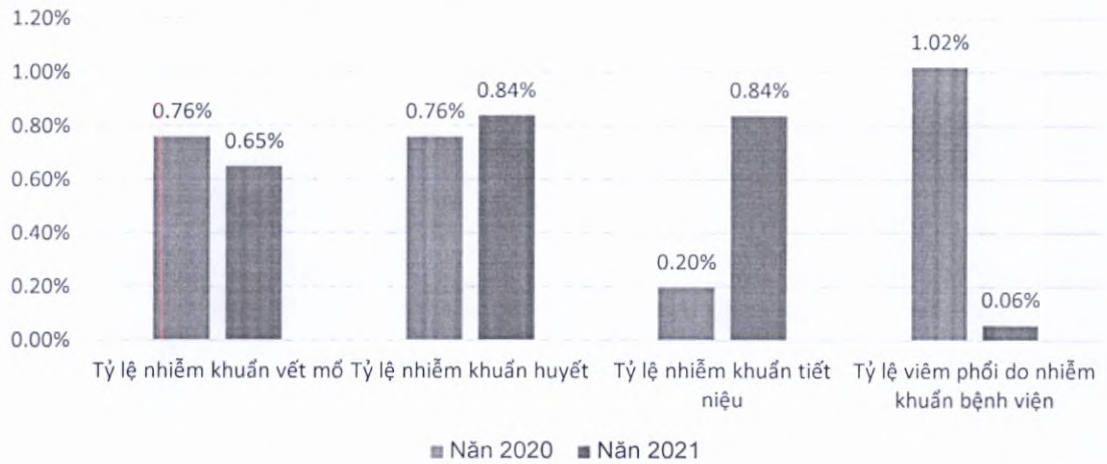
2.31. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

Chỉ số 37: Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ

Chỉ số 38: Tỷ lệ nhiễm khuẩn huyết

Chỉ số 39: Tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu

Chỉ số 40: Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện

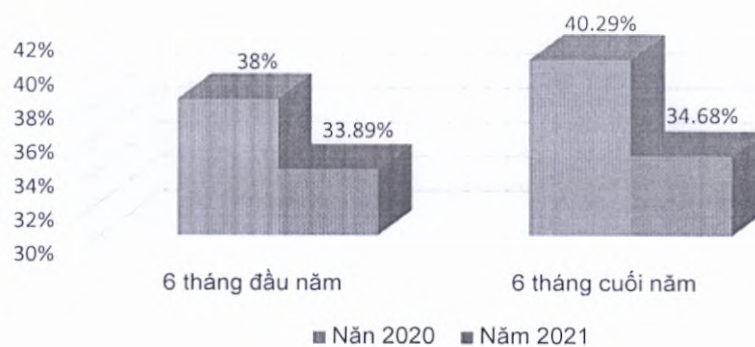


Biểu đồ 32: Chỉ số chất lượng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

Qua biểu đồ trên ta thấy tỷ lệ nhiễm khuẩn tại bệnh viện tương đối thấp ở cả 2 năm vừa qua tuy nhiên tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu ở năm 2021 có chiều hướng tăng hơn so với năm 2020 là 0.64% và tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện đã giảm xuống 0.96% so với năm 2020. Cho thấy vấn đề nhiễm khuẩn được kiểm soát rất tốt. Cần duy trì và phát huy hơn nữa để đảm bảo chất lượng điều trị và rút ngắn thời gian điều trị cho người bệnh.

2.32. Trung tâm Thận – Lọc máu

Chỉ số 41: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định viêm gan C tại Trung tâm Thận – Lọc máu

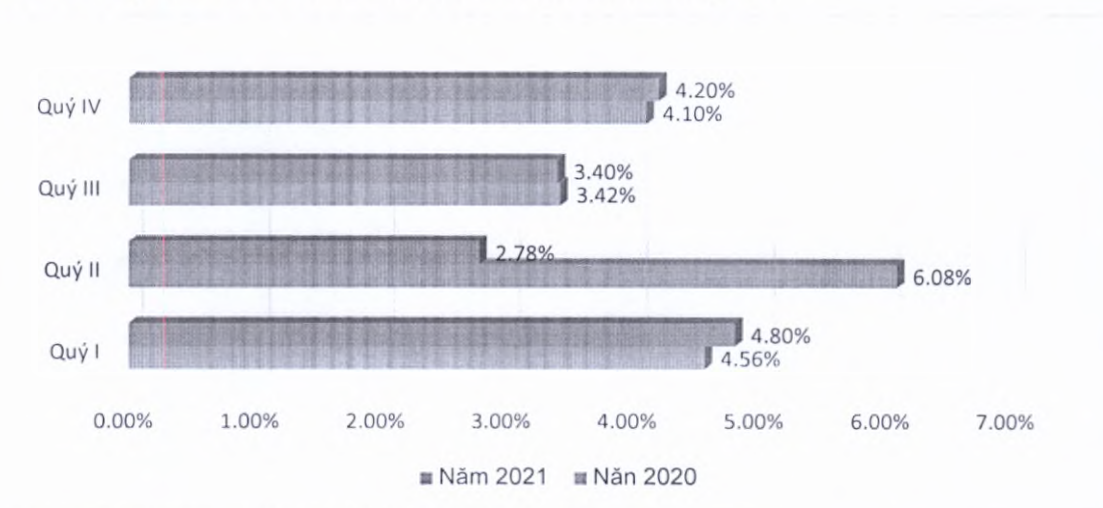


Biểu đồ 33: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định viêm gan C tại Trung tâm Thận – Lọc máu

Số lượng người bệnh chẩn đoán xác định viêm gan C tại TT Thận – Lọc máu chiếm tỷ lệ khá cao ở các năm chiếm tỷ lệ 33.89% - 40.29%. Do đó, Trung tâm cần khuyến cáo tất cả người bệnh cần thăm khám định kỳ để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời.

2.33. Khoa Nội Hô hấp - Tiêu hóa

Chỉ số 42: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định lao phổi

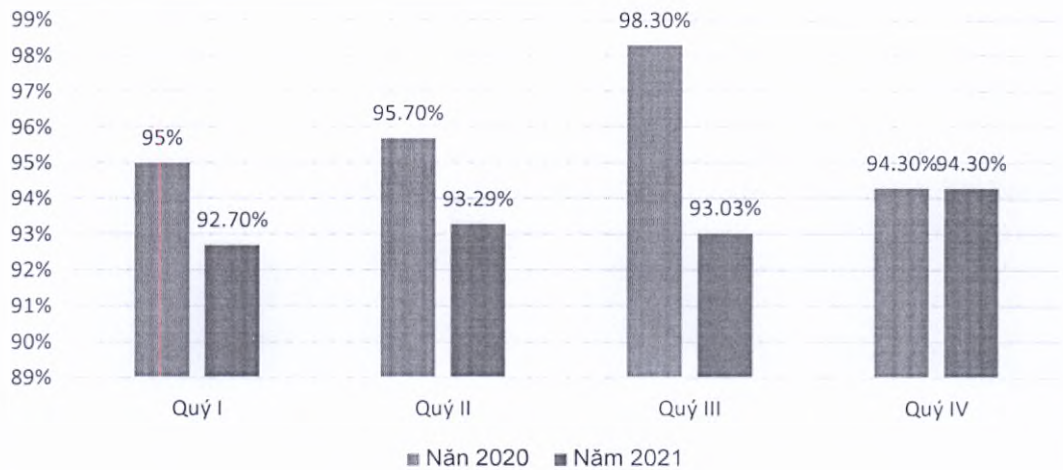


Biểu đồ 34: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định lao phổi

Theo kết quả thu thập được ta thấy tỷ lệ người bệnh chẩn đoán xác định lao phổi ở năm 2021 dao động trong khoảng 2.78% đến 4.80%, từ đó cho thấy việc phát hiện sớm bệnh nhân lao phổi làm giảm nguy cơ lây lan cho những người xung quanh và bệnh nhân cũng được phát hiện sớm và kịp thời điều trị.

2.34. Khoa Nội Thần kinh – Cơ xương khớp

Chỉ số 43: Tỷ lệ khỏi bệnh sau điều trị bằng kỹ thuật tiêm ngoài màng cứng



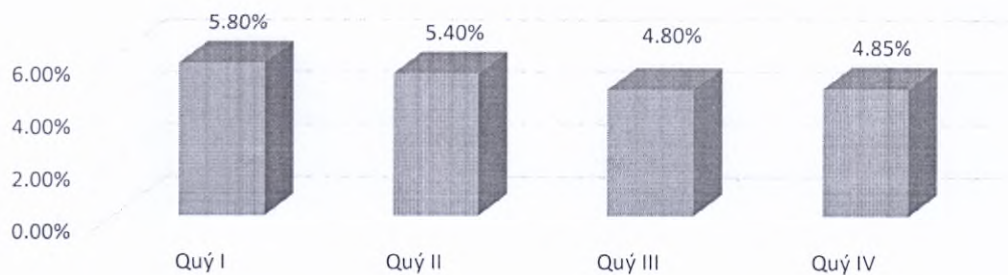
Biểu đồ 35: Tỷ lệ khỏi bệnh sau điều trị bằng kỹ thuật tiêm ngoài màng cứng

Qua biểu đồ trên cho thấy tỷ lệ bệnh nhân khỏi bệnh sau điều trị bằng kỹ thuật tiêm ngoài màng cứng đạt tỷ lệ rất cao ở các quý. Từ đó cho thấy chất lượng điều trị cũng như việc triển khai kỹ thuật tiêm ngoài màng cứng giúp bệnh nhân điều trị triệt để và làm giảm đau đớn cho người bệnh.

2.35. Trung tâm YDCT – PHCN

Chỉ số 44: Tỷ lệ người bệnh ngoại tỉnh điều trị tại trung tâm YDCT-PHCN

Tỷ lệ người bệnh ngoại tỉnh điều trị tại trung tâm YDCT-PHCN



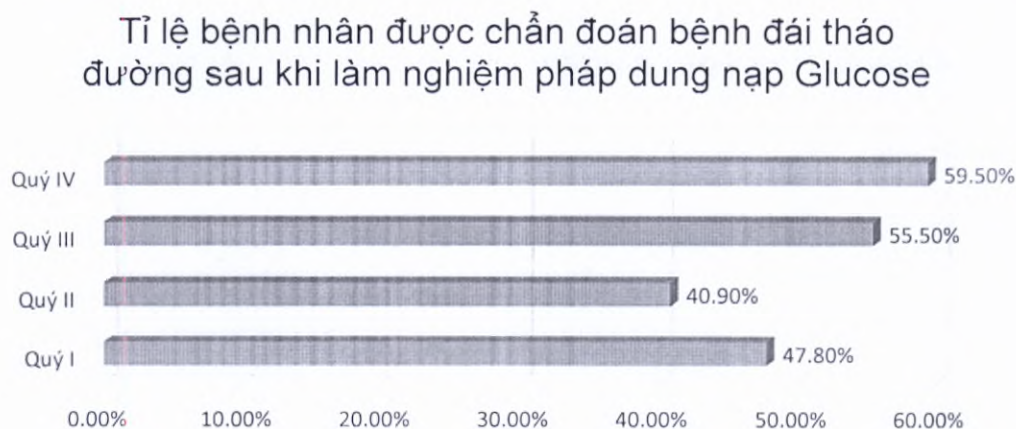
Biểu đồ 36: Tỷ lệ người bệnh ngoại tỉnh điều trị tại trung tâm YDCT-PHCN

Tỷ lệ người bệnh ngoại tỉnh điều trị tại Trung tâm chiếm từ 4.80% đến 5.80% ở các quý trong tổng số bệnh nhân điều trị. Cần nâng cao trình độ

chuyên môn và nâng cao hiệu quả điều trị và truyền thông nhằm thu hút bệnh nhân ngoại tỉnh tới điều trị tại trung tâm.

2.36. Khoa Nội tiết - Đái tháo đường

Chỉ số 45: Tỷ lệ bệnh nhân được chẩn đoán bệnh đái tháo đường sau khi làm nghiệm pháp dung nạp Glucose

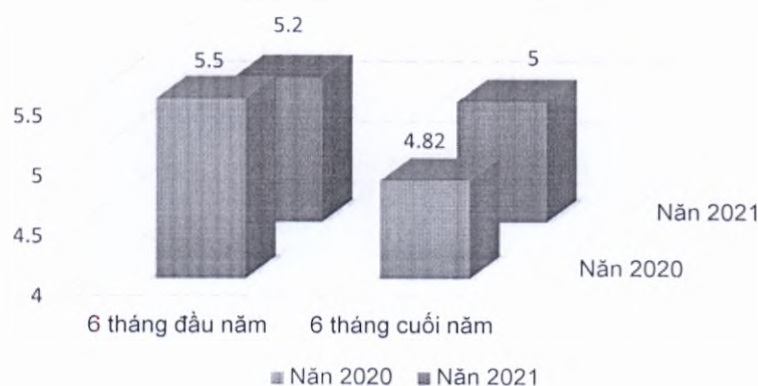


Biểu đồ 37: Tỷ lệ bệnh nhân được chẩn đoán bệnh đái tháo đường sau khi làm nghiệm pháp dung nạp Glucose

Tỷ lệ bệnh nhân được chẩn đoán bệnh đái tháo đường sau khi làm nghiệm pháp dung nạp Glucose chiếm tỷ lệ tương đối dao động từ 40.90% đến 59.50%. Đây là một nghiệm pháp nhằm phát hiện bệnh nhân đái tháo đường hiệu quả giúp người bệnh phát hiện sớm và điều trị kịp thời.

2.37. Khoa Ngoại Thần kinh

Chỉ số 46: Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh

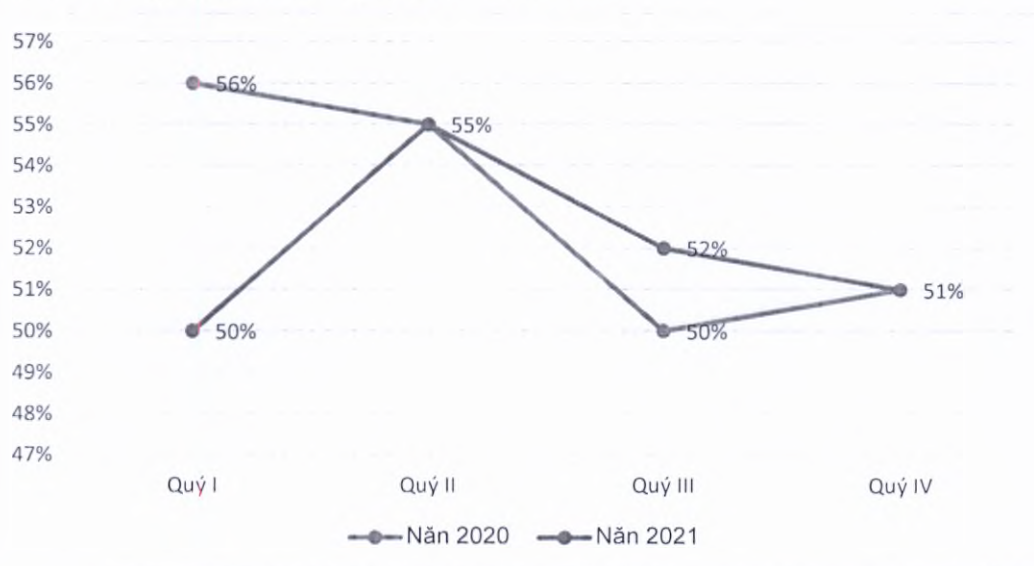


Biểu đồ 38: Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh

Tỷ lệ người bệnh tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ chiếm số lượng lớn tăng dần qua các quý đạt 90% ở quý I và sang đến quý III giảm xuống 78% ở năm 2021. So với tỷ lệ tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ năm 2020 thì tỷ lệ đã giảm đáng kể ở các quý. Do đó đội ngũ y bác sĩ của khoa cần không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn để can thiệp hiệu quả nhất cho người bệnh.

2.40. Khoa Ngoại Tổng hợp

Chỉ số 49: Tỷ lệ phẫu thuật nội soi tiêu hóa



Biểu đồ 41: Tỷ lệ phẫu thuật nội soi tiêu hóa

Tỷ lệ người bệnh phẫu thuật nội soi tiêu hóa tại khoa Ngoại tổng hợp giảm dần qua các quý. Quý II cao nhất chiếm 55%, thấp nhất 50% vào quý I. Đội ngũ nhân viên của khoa không ngừng trau dồi kiến thức để phẫu thuật đạt kết quả tốt nhất cho người bệnh.

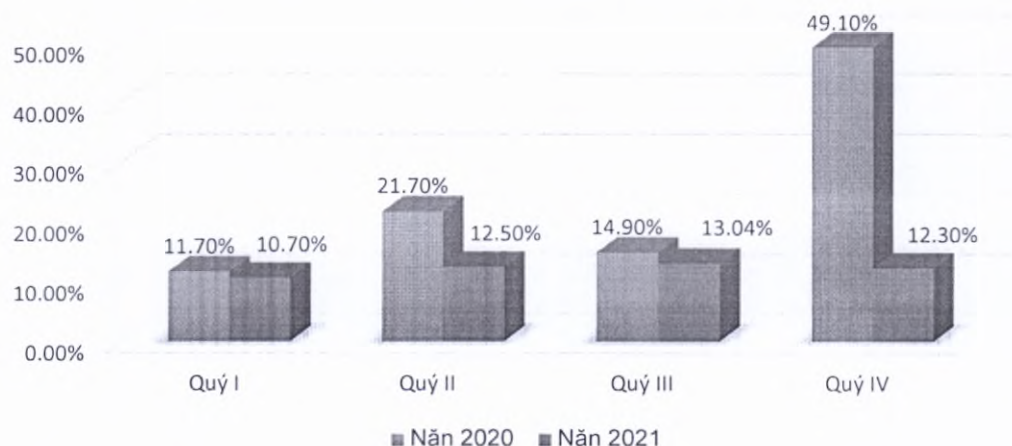
2.41. Khoa Chấn thương 1

Chỉ số 50: Tỷ lệ phẫu thuật loại đặc biệt

Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh trong năm vừa qua khoa Ngoại thần kinh giao động từ 5 ngày đến 5.2 ngày trong đợt nằm điều trị. Qua đó cho thấy khoa điều trị rất tích cực, chất lượng điều trị nâng cao, người bệnh rất an tâm trong quá trình điều trị.

2.38. Khoa Da liễu

Chỉ số 47: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định Zona thần kinh

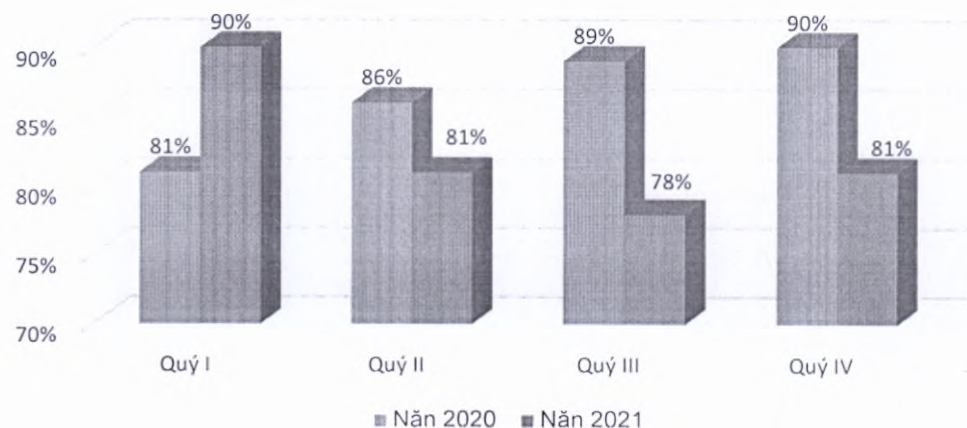


Biểu đồ 39: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định Zona thần kinh

Tỷ lệ người bệnh chẩn đoán xác định bệnh Zona thần kinh năm 2021 có chiều hướng giảm so với năm 2020. Điển hình ở quý IV năm 2020 với tỷ lệ 49.10% xuống còn 12.30% ở năm 2021.

2.39. Khoa Ngoại thận – Tiết niệu

Chỉ số 48: Tỷ lệ người bệnh tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ

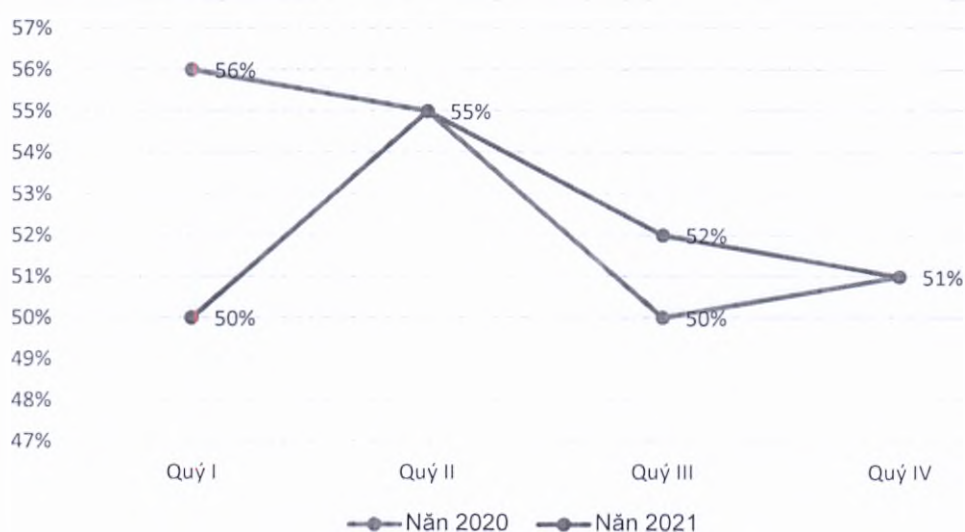


Biểu đồ 40: Tỷ lệ người bệnh tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ

Tỷ lệ người bệnh tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ chiếm số lượng lớn tăng dần qua các quý đạt 90% ở quý I và sang đến quý III giảm xuống 78% ở năm 2021. So với tỷ lệ tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ năm 2020 thì tỷ lệ đã giảm đáng kể ở các quý. Do đó đội ngũ y bác sỹ của khoa cần không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn để can thiệp hiệu quả nhất cho người bệnh.

2.40. Khoa Ngoại Tổng hợp

Chỉ số 49: Tỷ lệ phẫu thuật nội soi tiêu hóa

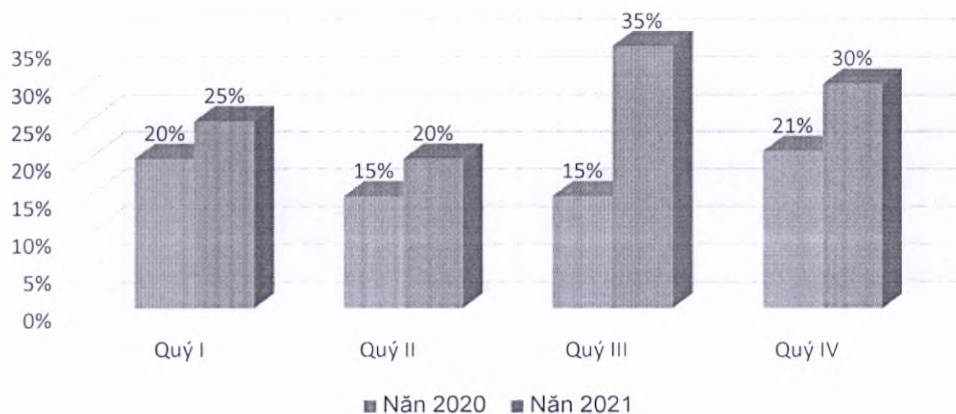


Biểu đồ 41: Tỷ lệ phẫu thuật nội soi tiêu hóa

Tỷ lệ người bệnh phẫu thuật nội soi tiêu hóa tại khoa Ngoại tổng hợp giảm dần qua các quý. Quý II cao nhất chiếm 55%, thấp nhất 50% vào quý I. Đội ngũ nhân viên của khoa không ngừng trau dồi kiến thức để phẫu thuật đạt kết quả tốt nhất cho người bệnh.

2.41. Khoa Chấn thương 1

Chỉ số 50: Tỷ lệ phẫu thuật loại đặc biệt

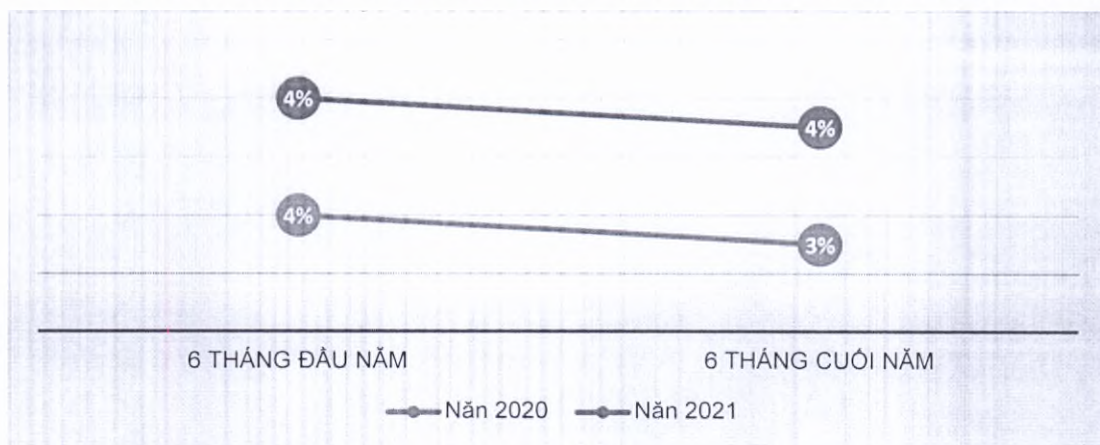


Biểu đồ 42: Tỷ lệ phẫu thuật loại đặc biệt

Tỷ lệ phẫu thuật đặc biệt được khoa Chấn thương 1 năm 2021 cao hơn so với năm 2020. Vì vậy đội ngũ cán bộ không ngừng học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn để phẫu thuật đạt hiệu quả và an toàn nhất cho người bệnh.

2.42. Khoa Chấn thương 2

Chỉ số 51: Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ bệnh nhân sau phẫu thuật kết hợp xương

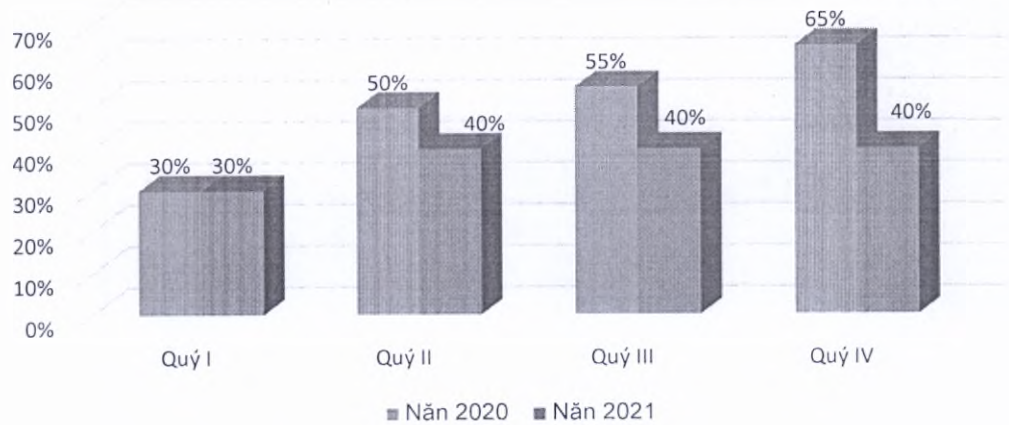


Biểu đồ 45: Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ bệnh nhân sau phẫu thuật kết hợp xương

Qua biểu đồ trên cho thấy tỷ lệ người bệnh bị nhiễm khuẩn vết mổ sau phẫu thuật kết hợp xương chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Từ kết quả theo dõi trên khoa cần xem xét đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa nguy cơ nhiễm khuẩn cho người bệnh, nâng cao chất lượng điều trị cho người bệnh.

2.43. Khoa Liên chuyên khoa

Chỉ số 52: Tỷ lệ phẫu thuật PHACO

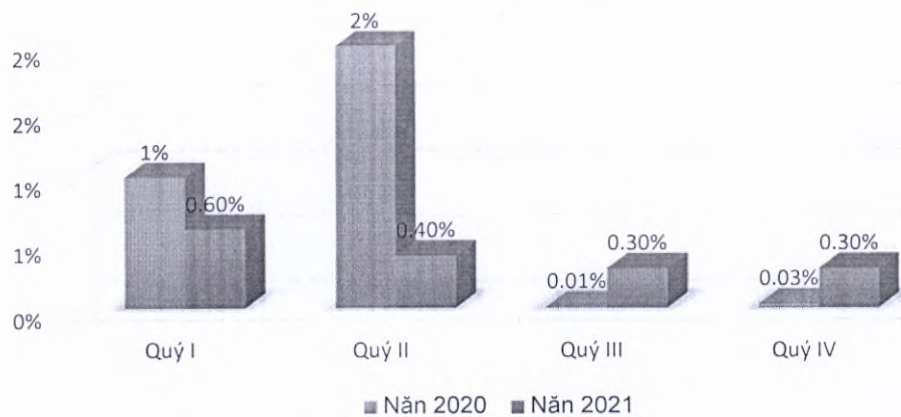


Biểu đồ 46: Tỷ lệ phẫu thuật PHACO

Tỷ lệ người bệnh phẫu thuật Phaco tại khoa Liên chuyên khoa với tỷ lệ 30 đến 65%. Với xu hướng tỷ lệ phẫu thuật PHACO tại khoa có xu hướng tăng khoa Liên chuyên khoa nên cho bác sỹ nâng cao chuyên môn hơn nữa để phẫu thuật cho người bệnh tốt hơn.

2.44. Khoa Bệnh nhiệt đới

Chỉ số 53: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định Cúm A

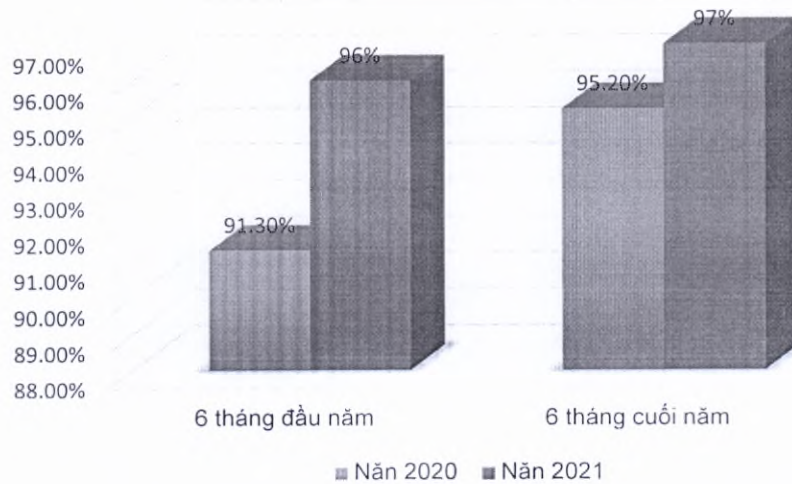


Biểu đồ 47: Tỷ lệ bệnh nhân chẩn đoán xác định Cúm A

Qua biểu đồ thu thập số lượng người bệnh chẩn đoán xác định cúm A cho thấy tỷ lệ chẩn đoán xác định cúm A từ 0.01% đến 2%. ở Quý III và Quý IV năm 2021 tỷ lệ bệnh nhân được chẩn đoán xác định cao hơn so với năm 2020. Bệnh nhân cần được khám bệnh chuyên sâu và sàng lọc kỹ, phát hiện sớm và điều trị kịp thời.

2.45. Khoa Dinh dưỡng – Tiết chế

Chỉ số 54: Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về suất ăn bệnh lý

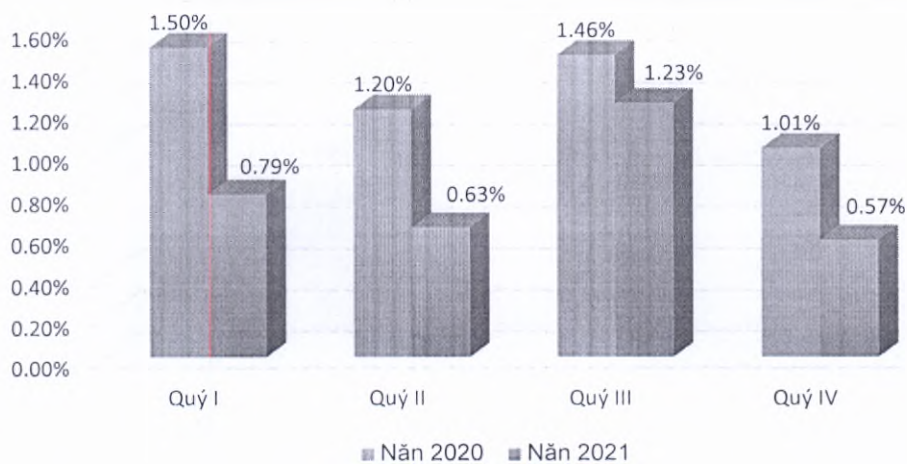


Biểu đồ 46: Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về suất ăn bệnh lý

Qua biểu đồ cho thấy người bệnh hài lòng về suất ăn bệnh lý chiếm tỷ lệ rất cao, trong 2 năm báo cáo từ 91.3% và tăng lên 97%. Khoa dinh dưỡng đã không ngừng cải thiện nhằm đáp ứng chất lượng, sự đa dạng bữa ăn và còn đảm bảo đủ dinh dưỡng theo cân nặng từng người bệnh.

2.46. Trung tâm Đột quy

Chỉ số 55: Tỷ lệ người bệnh đột quy chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh

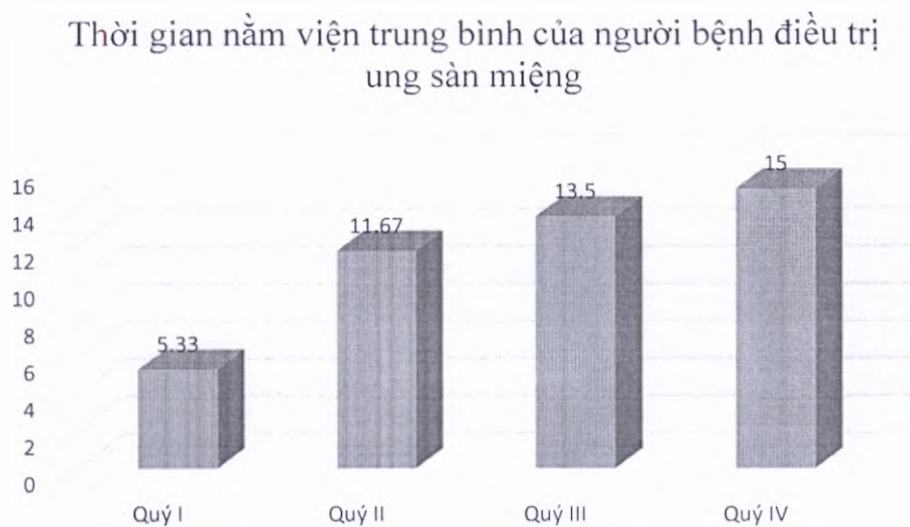


Biểu đồ 47: Tỷ lệ người bệnh đột quy chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh

Từ kết quả thu thập được của trung tâm Đột quy cho thấy tỷ lệ người bệnh đột quy chuyển tuyến trên khám chữa bệnh có chiều hướng giảm ở các quý II và quý IV. Qua đó cho thấy chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao tỷ lệ người bệnh đột quy được phát hiện và điều trị kịp thời nên tỷ lệ bệnh nhân chuyển tuyến giảm đáng kể.

2.47. Đơn vị Xạ trị & Y học hạt nhân

Chỉ số 56: Thời gian nằm viện trung bình của người bệnh điều trị ung thư sàn miệng

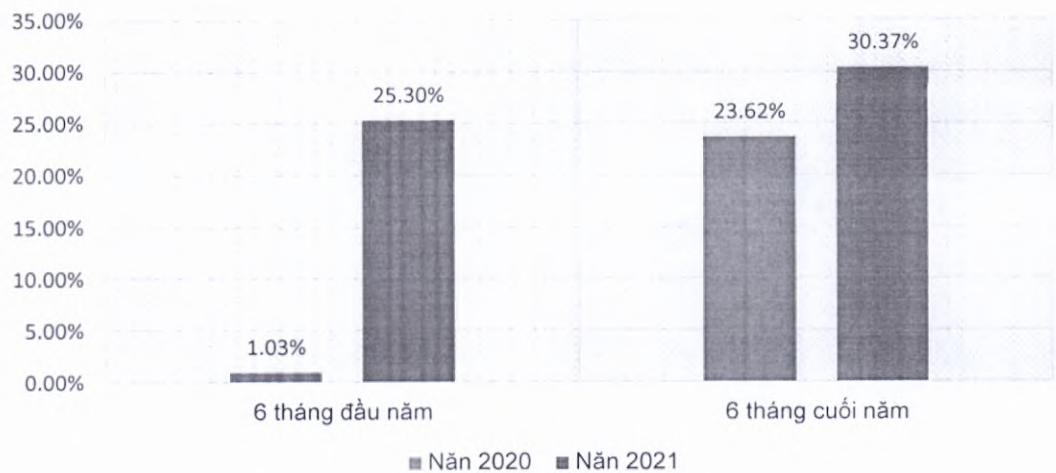


Biểu đồ 48: Thời gian nằm viện trung bình của người bệnh điều trị ung thư sàn miệng

Thời gian nằm điều trị trung bình của người bệnh điều trị ung thư sàn miệng tăng dần ở các quý, từ 5.33 ngày ở quý I lên 15 ngày ở Quý IV.

2.48. Đơn vị Hóa trị - Chăm sóc giảm nhẹ

Chỉ số 57: Tỷ lệ người bệnh sử dụng giường yêu cầu

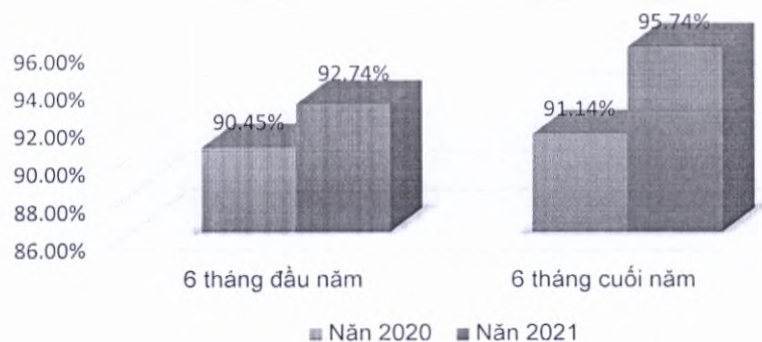


Biểu đồ 49: Tỷ lệ người bệnh sử dụng giường yêu cầu

Qua biểu đồ trên cho thấy tỷ lệ sử dụng giường yêu cầu tại đơn vị năm 2021 tăng cao hơn so với năm 2020. Phòng yêu cầu đáp ứng nhu cầu sử dụng của người bệnh sẽ được người bệnh sử dụng nhiều hơn.

2.49. Đơn vị *Phẫu thuật Ung bướu*

Chỉ số 58: Công suất sử dụng giường bệnh thực tế



Biểu đồ 50. Công suất sử dụng giường bệnh thực tế

Từ biểu đồ trên chỉ ra công suất sử dụng giường bệnh tại đơn vị năm 2021 tương đối cao chiếm 95.74% công suất sử dụng. Qua đó thể hiện người bệnh đã tin tưởng về chất lượng điều trị của đơn vị nói chung và bệnh viện nói riêng. Đội ngũ cán bộ tại đơn vị cần duy trì và phát huy hơn nữa.

IV. KẾT LUẬN

- Xây dựng và theo dõi chỉ số chất lượng là hoạt động ý nghĩa nhằm theo dõi hoạt động của từng đơn vị dựa trên các khía cạnh cụ thể, đo lường được. Hiện tại 100% các đơn vị xây dựng bộ chỉ số của đơn vị mình.

- Các đơn vị theo dõi, thu thập và báo cáo chỉ số chất lượng theo đúng tần suất đã xây dựng, đảm bảo chỉ số chất lượng chính xác, hiệu quả.

V. KHUYẾN NGHỊ

1. Các Khoa, phòng, trung tâm, đơn vị

- Tiếp tục duy trì theo dõi các chỉ số chất lượng đã xây dựng.
- Tiếp tục xây dựng thêm các chỉ số chất lượng mới, đánh giá nhiều hơn các khía cạnh chất lượng nhằm nâng cao chất lượng của đơn vị mình.
- Báo cáo chỉ số chất lượng theo đúng tần suất đã xây dựng lên phòng Quản lý chất lượng để tổng hợp.

2. Phòng Quản lý chất lượng

- Tiếp tục giám sát, thu thập các chỉ số chất lượng của các đơn vị theo tần suất của các chỉ số chất lượng các đơn vị đã xây dựng.
- Tiến hành phân tích dữ liệu thu thập báo cáo, đề xuất các giải pháp cải tiến trình Giám đốc Bệnh viện phê duyệt và công bố toàn viện.

Nơi nhận:

- Ban GD (c.đạo);
- Các Khoa, Phòng, TT, ĐV;
- Lưu: VT, QLCL.

TRƯỞNG PHÒNG QLCL

GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Vinh



Lê Đình Thanh Sơn